

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG "HỌC TẬP TỐT - RÈN LUYỆN TỐT"  
NĂM HỌC 2024 - 2025 (Loại Giỏi và Khá)

(Kèm theo quyết định số: 334/QĐ-DSG-TĐKT ngày 27 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Sài Gòn)

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
<b>I. Loại Giỏi</b>							
1	DH12112147	Nguyễn Đình Quốc	Bình	D21_CDTU01	8.44	81	
2	DH12203680	Huỳnh Gia	Huy	D22_ROAI01	8.16	80	
3	DH12301297	Nguyễn Văn Trọng	Nghĩa	D23_CDT01	8.04	84	
4	DH12302189	Lê Thanh	Tú	D23_CDT01	8.09	91	
5	DH32301491	Trần Tấn	Phát	D23_DDT01	8.80	92	
6	DH32302222	Nguyễn Quốc	Tuấn	D23_DDT01	8.72	83	
7	DH52102716	Thái Tín	Khang	D21_TH01	8.41	81	
8	DH52100180	Lý Kim	Long	D21_TH02	8.33	93	
9	DH52102882	Bùi Thanh	Hậu	D21_TH03	8.62	81	
10	DH52106994	Nguyễn Phạm Đăng	Khoa	D21_TH03	8.21	83	
11	DH52100027	Tống Thiên	Thanh	D21_TH04	8.36	85	
12	DH52110602	Nguyễn Hoàng	Bảo	D21_TH05	8.45	90	
13	DH52108690	Trần Đoàn Xuân	Thắng	D21_TH06	8.52	93	
14	DH52108772	Lê Trung	Thịnh	D21_TH06	8.16	93	
15	DH52110862	Trần Trung	Hải	D21_TH07	8.28	85	
16	DH52110952	Đoàn Việt	Hoàng	D21_TH07	8.29	84	
17	DH52108750	Phan Thế	Quang	D21_TH07	8.98	85	
18	DH52113469	Nguyễn Lê	Đạt	D21_TH10	8.19	90	
19	DH52111147	Trần Hoàng Đăng	Khoa	D21_TH10	8.04	83	
20	DH52111563	Nguyễn Trọng	Phụng	D21_TH10	8.42	86	
21	DH52111716	Phan Nhựt	Tân	D21_TH10	8.03	81	
22	DH52111857	Văn Đình	Thuật	D21_TH10	8.41	86	
23	DH52110757	Huỳnh Tấn	Đạt	D21_TH11	8.19	84	
24	DH52110848	Vũ Thị Hương	Giang	D21_TH11	8.41	89	
25	DH52111975	Ngô Quang	Trường	D21_TH11	8.96	91	
26	DH52111814	Nguyễn Trần Phúc	Thịnh	D21_TH12	8.52	83	
27	DH52113550	Nguyễn Văn	Toàn	D21_TH12	8.67	88	
28	DH52200758	Huỳnh Lai	Hữu	D22_TH01	8.28	87	
29	DH52200423	Lâm Dũ	Cường	D22_TH02	8.65	86	
30	DH52201181	Huỳnh Nguyễn Tấn	Phát	D22_TH02	8.31	86	
31	DH52201580	Nguyễn Quốc	Tĩnh	D22_TH02	8.41	86	
32	DH52200683	Nguyễn Thanh	Hiếu	D22_TH03	8.17	84	
33	DH52201070	Nguyễn Thị Trúc	My	D22_TH03	8.18	84	
34	DH52201475	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	D22_TH03	8.92	83	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
35	DH52200923	Đỗ Tiến Anh	Khôi	D22_TH04	8.34	92	
36	DH52201324	Nguyễn Võ Anh	Quốc	D22_TH04	8.53	89	
37	DH52200697	Ngô Thanh	Hòa	D22_TH05	8.35	83	
38	DH52200357	Huỳnh Chí	Bảo	D22_TH06	8.14	81	
39	DH52200473	Lê Văn	Đạt	D22_TH06	8.61	81	
40	DH52200694	Đỗ Thuận	Hòa	D22_TH07	8.96	88	
41	DH52200431	Nguyễn Cường	Đại	D22_TH08	8.86	82	
42	DH52201134	Đỗ Thành	Nhân	D22_TH08	8.74	85	
43	DH52201112	Đoàn Lê Hoàng	Nguyên	D22_TH10	8.10	82	
44	DH52201163	Nguyễn Thị Hồng	Nhu	D22_TH10	8.61	82	
45	DH52201797	Trần Thị Kim	Yến	D22_TH13	8.58	80	
46	DH52200581	Nguyễn Võ Anh	Duy	D22_TH15	8.27	80	
47	DH52203917	Trang Mạnh	Phúc	D22_TH15	8.35	90	
48	DH52300482	Trần Anh	Hào	D23_TH01	8.44	85	
49	DH52301362	Nguyễn Trí	Nhân	D23_TH01	8.22	83	
50	DH52301865	Vũ Đức	Thắng	D23_TH01	8.64	86	
51	DH52300544	Huỳnh Trung	Hiếu	D23_TH03	8.36	84	
52	DH52300664	Huỳnh Lâm	Huy	D23_TH04	8.27	90	
53	DH52301910	Lại Minh	Thông	D23_TH04	8.09	83	
54	DH52300095	Võ Đình Hoàng	Anh	D23_TH05	8.08	84	
55	DH52301355	Lê Thành	Nhân	D23_TH05	8.79	82	
56	DH52301898	Phạm Bạch Thiên	Thảo	D23_TH06	8.29	86	
57	DH52301637	Nguyễn Hữu	Quốc	D23_TH07	8.31	85	
58	DH52300975	Nguyễn Thị Mộng	Kiều	D23_TH08	8.21	81	
59	DH52301174	Phan Văn	Mạnh	D23_TH08	8.67	81	
60	DH52300999	Dương Tấn	Lộc	D23_TH09	8.37	87	
61	DH52301555	Nguyễn Trọng	Phúc	D23_TH09	8.28	81	
62	DH52301000	Đỗ Thành	Lộc	D23_TH10	8.43	88	
63	DH52302426	Hứa Lập	Nhân	D23_TH10	8.07	93	
64	DH52301343	Lê Phạm Thanh	Nguyệt	D23_TH11	8.13	85	
65	DH52301434	Lâm Phi	Nhung	D23_TH11	8.95	87	
66	DH52302338	Ngô Đức	Vương	D23_TH11	8.07	87	
67	DH52300224	Dương Đình	Danh	D23_TH12	8.71	87	
68	DH52300511	Lý Văn	Hải	D23_TH13	8.33	94	
69	DH52400377	Nguyễn Quang	Cơ	D24_TH03	9.15	81	
70	DH52400696	Phạm Tiến	Phát	D24_TH04	9.03	84	
71	DH62112522	Lê Thụy Minh	Hương	D21_CNTP01	8.32	81	
72	DH62112551	Trịnh Ngô Bảo	Nghi	D21_CNTP01	8.53	86	
73	DH62301797	Trương Vĩnh	Thanh	D23_TP01	8.08	87	
74	DH72106529	Nguyễn Phi	Hùng	D21_KD01	8.35	88	
75	DH72113737	Mai Thành	Đạt	D21_KD02	8.43	90	
76	DH72114625	Nguyễn Lê Thảo	My	D21_MAR01	8.26	85	
77	DH72114429	Trần Thị Thủy	Tiên	D21_MAR01	8.12	85	
78	DH72114297	Đào Thị ánh	Xuân	D21_MAR01	8.39	83	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
79	DH72109717	Lê Thị Hồng	Gấm	D21_MAR02	8.38	86	
80	DH72109090	Trương Thị Trúc	Ly	D21_MAR02	8.06	90	
81	DH72108938	Hồ Hoàng	Mến	D21_MAR02	8.73	86	
82	DH72110105	Trương Hồng	Nhung	D21_MAR02	8.12	81	
83	DH72107687	Phạm Thị Anh	Đào	D21_MAR03	8.08	80	
84	DH72110515	Bùi Thị	Yến	D21_MAR05	8.66	86	
85	DH72109035	Phạm Thị Quỳnh	Hoa	D21_TC01	8.70	81	
86	DH72105969	Huỳnh Đông	Lai	D21_TC01	8.45	87	
87	DH72100105	Lê Thị Thùy	Ngân	D21_TC01	8.78	90	
88	DH72105117	Trần Hồng	Ngọc	D21_TC01	8.92	84	
89	DH72107781	Phạm Dương Uyên	Nhi	D21_TC01	8.24	90	
90	DH72108817	Nguyễn Đào Gia	Phụng	D21_TC01	8.38	90	
91	DH72109768	Phạm Bửu	Hân	D21_TC02	8.07	86	
92	DH72109787	Trần Thị	Hiền	D21_TC02	8.34	84	
93	DH72105212	Nguyễn Thị Phương	Huyền	D21_TC02	8.40	98	
94	DH72114549	Trần Đình Minh	Tuyền	D21_TC02	8.70	80	
95	DH72114720	Nguyễn Duy	Khánh	D21_TC03	8.57	85	
96	DH72110029	Phụng Châu Tuyết	Ngân	D21_TC03	8.45	90	
97	DH72110098	Lê Thị Hồng	Nhung	D21_TC03	8.64	86	
98	DH72110470	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	D21_TC03	8.16	80	
99	DH72202339	Nguyễn Thị Kim	Thân	D22_KD01	8.11	86	
100	DH72202121	Nguyễn Huỳnh Minh	Khôi	D22_KD02	8.07	81	
101	DH72202146	Huỳnh Thị Thùy	Linh	D22_MAR01	8.01	84	
102	DH72202254	Phạm Yến	Nhi	D22_MAR01	8.33	85	
103	DH72202274	Nguyễn Thị Kim	Ni	D22_MAR03	8.19	83	
104	DH72202215	Trần Thị Kim	Ngân	D22_MAR04	8.54	83	
105	DH72202398	Lê Thị Thu	Thúy	D22_MAR04	8.39	81	
106	DH72201993	Bùi Mai Bảo	Duy	D22_TC01	8.55	80	
107	DH72202060	Kiều Ngọc	Hoa	D22_TC01	8.35	89	
108	DH72202064	Trần Thị Thu	Hòa	D22_TC01	8.75	86	
109	DH72301579	Bùi Thanh	Phương	D23_QT01	8.14	84	
110	DH72302063	Phạm Hoài Bảo	Trâm	D23_QT02	8.52	83	
111	DH72300003	Dương Thị Xuân	An	D23_QT03	8.04	87	
112	DH72300648	Võ Nguyễn Trúc	Huỳnh	D23_QT03	8.16	86	
113	DH72300987	Nguyễn Thị Thúy	Lan	D23_QT03	8.28	92	
114	DH72409029	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	D24_QT01	8.46	83	
115	DH72400245	Trần Phạm Nguyễn Hồng	Phước	D24_QT02	8.06	88	
116	DH92103109	Trần Ngọc Khả	Tú	D21_TK1TD	8.40	82	
117	DH92109576	Đỗ Thanh Bình	Yên	D21_TK2TT	8.78	88	
118	DH92109395	Nguyễn Thị Yến	Linh	D21_TK3DH1	8.21	86	
119	DH92102764	Đặng Ngọc Bảo	Trần	D21_TK3DH1	8.24	84	
120	DH92109369	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	D21_TK3DH2	8.24	87	
121	DH92109460	Trần Thành	Phước	D21_TK3DH2	9.03	82	
122	DH92114709	Nguyễn Hữu	Tài	D21_TK3DH2	8.37	80	

J.C  
 TR  
 ĐA  
 ÔN  
 SÀ

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
123	DH92108963	Lê Võ Anh	Thư	D21 TK3DH2	8.50	90	
124	DH92109516	Nguyễn Ngọc	Thy	D21 TK3DH2	8.41	88	
125	DH92109518	Trương Huỳnh Minh	Tiến	D21 TK3DH2	8.29	80	
126	DH92107124	Ngô Thanh Ngọc Phương	Uyên	D21 TK3DH2	8.60	84	
127	DH92114712	Phạm Mai Hoàng	Yến	D21 TK3DH2	8.39	88	
128	DH92106074	Nguyễn Ngọc	Nga	D21 TK4NT	8.84	88	
129	DH92202685	Đặng Trần Tuấn	Hung	D22 TK3DH3	8.35	87	
130	DH92202795	Tô Thế Minh	Quang	D22 TK3DH3	8.55	82	
131	DH92202699	Trần Vĩnh	Khang	D22 TK3DH4	8.61	81	
132	DH92202717	Nguyễn Phúc	Lộc	D22 TK3DH4	8.12	84	
133	DH92300242	Nguyễn Hoàng	Diệp	D23 TK1TD	8.19	80	
134	DH92301500	Đặng Kim Như	Phụng	D23 TK3DH1	8.60	82	
135	DH92302251	Nguyễn Hoàng Xuân	Tuyết	D23 TK3DH1	9.05	85	
136	DH92301462	Trần Kỳ Tú	Oanh	D23 TK3DH2	8.17	81	
137	DH92301647	Bùi Ngọc	Quỳnh	D23 TK3DH2	8.34	84	
138	DH92300246	Nguyễn Hoàng	Dung	D23 TK3DH3	8.38	90	
139	DH92400087	Trần Quang	Thiên	D24 TK1TD	8.80	85	

## II. Loại Khá

1	DH12112167	Nguyễn Phương	Đông	D21 CDTU01	8.14	75	
2	DH12108327	Nguyễn Huy	Hùng	D21 CDTU01	7.89	72	
3	DH12107857	Phạm Thành	Hung	D21 CDTU01	7.95	78	
4	DH12103445	Lê Minh	Tài	D21 CDTU01	7.81	84	
5	DH12114699	Phan Thanh	Toàn	D21 CDTU01	7.44	75	
6	DH12102241	Dương Phúc	Tuệ	D21 CDTU01	8.47	77	
7	DH12114131	Trịnh Hoàng	Hung	D21 ROAI01	7.14	70	
8	DH12112188	Nguyễn Hồ Gia	Huy	D21 ROAI01	7.91	66	
9	DH12114290	Phạm Đình	Lâm	D21 ROAI01	7.70	65	
10	DH12114530	Nguyễn Kim	Quốc	D21 ROAI01	7.50	70	
11	DH12200004	Triệu Duy	Anh	D22 CDTU01	7.61	69	
12	DH12200015	Nguyễn Mạnh	Dũng	D22 CDTU01	7.70	76	
13	DH12200019	Nguyễn Hoàng Anh	Duy	D22 CDTU01	7.68	67	
14	DH12200021	Nguyễn Hoàng	Giang	D22 CDTU01	7.81	66	
15	DH12200024	Nguyễn Nguyên	Hào	D22 CDTU01	7.14	65	
16	DH12200034	Tạ Quốc	Hùng	D22 CDTU01	7.65	79	
17	DH12200037	Ngô Thanh	Hữu	D22 CDTU01	7.32	66	
18	DH12200040	Phạm Đức	Huy	D22 CDTU01	7.52	68	
19	DH12200042	Trần Minh	Khánh	D22 CDTU01	7.18	69	
20	DH12200050	Nguyễn Xuân	Lập	D22 CDTU01	7.25	69	
21	DH12202976	Lê Nhật	Minh	D22 CDTU01	7.98	79	
22	DH12200054	Trần Gia	Minh	D22 CDTU01	7.03	65	
23	DH12200068	Huỳnh Tiến	Phát	D22 CDTU01	7.72	76	
24	DH12200069	Nguyễn Thành	Phát	D22 CDTU01	7.61	75	
25	DH12200078	Trương Nguyên	Phương	D22 CDTU01	7.55	71	
26	DH12200082	Hoàng Huy	Quang	D22 CDTU01	7.65	86	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
27	DH12200103	Nguyễn Thanh	Toàn	D22_CDTU01	7.58	67	
28	DH12200011	Nguyễn Thành	Đạt	D22_ROAI01	7.72	70	
29	DH12200035	Bùi Trần Tuấn	Hung	D22_ROAI01	7.41	65	
30	DH12200039	Nguyễn Thanh	Huy	D22_ROAI01	7.81	75	
31	DH12200053	Trần Thiên	Lộc	D22_ROAI01	7.58	67	
32	DH12200075	Phan Đăng	Phú	D22_ROAI01	8.47	79	
33	DH12203711	Võ Nhật	Trường	D22_ROAI01	7.56	71	
34	DH12300046	Nguyễn Cao Hoàng	Anh	D23_CDT01	7.89	81	
35	DH12300463	Phạm Hoàng	Hà	D23_CDT01	7.37	76	
36	DH12302163	Đoàn Bùi Nhật	Trường	D23_CDT01	7.21	67	
37	DH12302199	Nguyễn Thanh	Tú	D23_CDT01	7.24	68	
38	DH12302930	Trần Ngọc	Quân	D23_CDT02	7.76	66	
39	DH12302180	Võ Nhật	Trường	D23_CDT02	7.87	69	
40	DH12400974	Đặng Trần Quang	Minh	D24_CDT01	8.98	67	
41	DH12400983	Nguyễn Huỳnh Thịnh	Phát	D24_CDT01	7.22	70	
42	DH32112343	Nguyễn Tuấn	Kha	D21_DCN01	7.74	65	
43	DH32112379	Huỳnh Thanh	Phú	D21_DCN01	7.53	70	
44	DH32101063	Võ Hoàng	Phát	D21_TDH01	8.59	67	
45	DH32112380	Nguyễn Thanh	Phú	D21_TDH01	8.45	72	
46	DH32114554	Nguyễn Anh	Tiên	D21_TDH01	8.50	77	
47	DH32200190	Phùng Lâm Tiến	Minh	D22_DCN01	7.98	91	
48	DH32200224	Lê Văn	Thuận	D22_DCN01	7.38	73	
49	DH32200231	Nguyễn Minh	Trung	D22_DCN01	7.36	65	
50	DH32200141	Phan Ngọc	Đỉnh	D22_TDH01	7.18	78	
51	DH32200167	Nguyễn Quang	Huy	D22_TDH01	7.22	66	
52	DH32200169	Trương Quốc	Huy	D22_TDH01	7.06	65	
53	DH32200192	Lê Minh	Nghị	D22_TDH01	7.23	76	
54	DH32200216	Trần Quốc	Thái	D22_TDH01	7.52	69	
55	DH32200223	Huỳnh Thị Minh	Thư	D22_TDH01	7.59	81	
56	DH32300799	Nguyễn Thế	Khang	D23_DDT01	7.66	78	
57	DH32301585	Nguyễn Duy	Phương	D23_DDT01	7.48	67	
58	DH32302435	Tsai Yuen	Pi	D23_DDT01	7.70	65	
59	DH32302538	Đặng Thành	Tâm	D23_DDT01	8.96	69	
60	DH32401029	Lữ Bảo	Khang	D24_DDT01	7.75	67	
61	DH32401071	Nguyễn Bách	Tùng	D24_DDT01	9.33	70	
62	DH32401623	Cao Chí	Vỹ	D24_DDT01	8.38	66	
63	DH42108564	Lê Thanh Tùng	Châu	D21_MMT01	7.35	65	
64	DH42114528	Nguyễn Quang	Hòa	D21_MMT01	9.01	72	
65	DH42120047	Đặng Trần	Lực	D21_MMT01	8.93	70	
66	DH42112474	Đỗ Trường	Sinh	D21_MMT01	7.52	71	
67	DH42104554	Nguyễn Huỳnh Huy	Sơn	D21_MMT01	7.33	78	
68	DH42112477	Đặng Thị Phương	Thanh	D21_MMT01	8.02	66	
69	DH42112480	Trần Công	Tiến	D21_MMT01	7.97	85	
70	DH42200257	Nguyễn Đức	Duy	D22_MMT01	7.24	70	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
71	DH42200261	Nguyễn Văn Hải	D22_MMT01	7.49	73	
72	DH42200264	Vũ Phi Hùng	D22_MMT01	7.19	68	
73	DH42200281	Lý Ngọc Quang	D22_MMT01	7.17	69	
74	DH42300386	Đoàn Tiến Đạt	D23_VT01	8.60	65	
75	DH42302596	Trần Hùng Đạt	D23_VT01	8.43	66	
76	DH42300638	Nguyễn Quốc Hùng	D23_VT01	7.87	68	
77	DH42401077	Nguyễn Cao Kỳ Anh	D24_VT01	8.18	76	
78	DH42401080	Nguyễn Thành Đạt	D24_VT01	7.02	68	
79	DH42401082	Phạm Tấn Đạt	D24_VT01	7.20	65	
80	DH42401085	Lê Văn Hậu	D24_VT01	7.19	66	
81	DH52100001	Nguyễn Văn Trường An	D21_TH01	7.28	85	
82	DH52105426	Nguyễn Lê Tiến Dũng	D21_TH01	7.47	69	
83	DH52106130	Bùi Phi Hùng	D21_TH01	7.49	71	
84	DH52103699	Nguyễn Minh Luân	D21_TH01	7.15	74	
85	DH52102758	Lê Thị Nguyên	D21_TH01	7.21	80	
86	DH52100807	Lê Quốc An	D21_TH02	7.09	74	
87	DH52106813	Đỗ Ngọc Đình	D21_TH02	7.10	84	
88	DH52104938	Nguyễn Vũ Luân	D21_TH02	7.10	74	
89	DH52101914	Huỳnh Tấn Phát	D21_TH02	7.12	65	
90	DH52101870	Hứa Vinh Thắng	D21_TH02	7.97	89	
91	DH52103404	Trần Hoàng Huy	D21_TH03	7.82	67	
92	DH52106310	Trương Thủ Khoa	D21_TH03	7.48	75	
93	DH52101039	Trần Quý Kiệt	D21_TH03	7.79	73	
94	DH52103871	Phạm Minh Trí	D21_TH03	7.50	76	
95	DH52100999	Phạm Mạnh Tuấn	D21_TH03	8.17	72	
96	DH52101199	Lê Nguyễn Thanh Bình	D21_TH04	8.45	69	
97	DH52101497	Lê Yên Đan	D21_TH04	7.80	89	
98	DH52107825	Nguyễn Huỳnh Đức	D21_TH04	8.02	69	
99	DH52106677	Trần Thanh Sơn	D21_TH04	7.83	79	
100	DH52110568	Phạm Minh Anh	D21_TH05	7.55	84	
101	DH52110649	Nguyễn Thành Công	D21_TH05	7.39	80	
102	DH52108711	Đặng Gia Bảo	D21_TH06	7.33	65	
103	DH52108380	Đoàn Thị Yên Bình	D21_TH06	7.14	79	
104	DH52110694	Đinh Ngọc Trần Duy	D21_TH06	7.44	91	
105	DH52100405	Nguyễn Mai Minh Duy	D21_TH06	8.46	79	
106	DH52110839	Lê Thanh Giang	D21_TH06	7.38	74	
107	DH52108549	Đặng Thành Hải	D21_TH06	7.76	75	
108	DH52108662	Huỳnh Huy Hoàng	D21_TH06	7.56	68	
109	DH52112910	Tăng Tiến Luân	D21_TH06	8.24	74	
110	DH52110753	Đặng Tấn Đạt	D21_TH07	7.22	73	
111	DH52113483	Trịnh Văn Đông	D21_TH07	7.33	72	
112	DH52110854	Huỳnh Tích Hải	D21_TH07	8.24	79	
113	DH52102050	Nguyễn Quốc Hào	D21_TH07	7.98	77	
114	DH52111033	Nguyễn Thành Huy	D21_TH07	7.42	77	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
115	DH52100199	Nguyễn Minh Tân	D21_TH07	7.52	87	
116	DH52111911	Phạm Vũ Quỳnh Trang	D21_TH07	7.29	67	
117	DH52104708	Huỳnh Văn Tư	D21_TH07	7.36	71	
118	DH52112108	Phan Thanh Vũ	D21_TH07	7.30	75	
119	DH52110534	Nguyễn Mậu An	D21_TH08	7.91	67	
120	DH52110671	Võ Thành Danh	D21_TH08	7.73	85	
121	DH52110763	Lê Trọng Đạt	D21_TH08	7.25	65	
122	DH52110793	Trịnh Phát Đạt	D21_TH08	7.63	79	
123	DH52110738	Trương Thái Dương	D21_TH08	7.47	80	
124	DH52110843	Nguyễn Văn Giang	D21_TH08	7.27	69	
125	DH52111167	Nguyễn Trung Kiên	D21_TH08	8.15	74	
126	DH52113292	Lê Minh Kiệt	D21_TH08	7.20	65	
127	DH52111560	Võ Hoàng Phúc	D21_TH08	7.63	68	
128	DH52111833	Lê Nguyễn Minh Thông	D21_TH08	7.28	72	
129	DH52111919	Trần Bảo Nam Trân	D21_TH08	7.22	76	
130	DH52110937	Nguyễn Thiện Hòa	D21_TH09	7.67	69	
131	DH52110995	Đỗ Quang Huy	D21_TH09	8.16	68	
132	DH52111246	Võ Thanh Trường Long	D21_TH09	7.62	72	
133	DH52111357	Đặng Minh Nghĩa	D21_TH09	8.17	77	
134	DH52111659	Trần Thanh Sang	D21_TH09	7.54	81	
135	DH52111115	Mai Lâm Quang Khánh	D21_TH10	8.17	79	
136	DH52111171	Lâm Tuấn Kiệt	D21_TH10	7.34	78	
137	DH52111438	Trần Tâm Nhiên	D21_TH10	7.02	84	
138	DH52111491	Nguyễn Chí Phong	D21_TH10	7.23	74	
139	DH52111509	Nguyễn Thành Tỷ Phú	D21_TH10	7.14	73	
140	DH52111529	Lê Trần Trọng Phúc	D21_TH10	7.10	67	
141	DH52111603	Nguyễn Hoàng Anh Quân	D21_TH10	8.44	72	
142	DH52111612	Trần Nguyễn Hoàng Quân	D21_TH10	7.28	73	
143	DH52111720	Nguyễn Công Tấn	D21_TH10	7.48	67	
144	DH52112786	Đình Quang Thịnh	D21_TH10	7.10	81	
145	DH52111923	Đỗ Minh Trí	D21_TH10	7.82	73	
146	DH52111957	Bùi Ngọc Quốc Trung	D21_TH10	7.52	74	
147	DH52110653	Bùi Hữu Cường	D21_TH11	7.21	75	
148	DH52110658	Lương Văn Cường	D21_TH11	7.08	79	
149	DH52110812	Trương Thanh Đông	D21_TH11	7.07	65	
150	DH52110688	Triệu Quốc Dũng	D21_TH11	7.03	85	
151	DH52110728	Huỳnh Quốc Dương	D21_TH11	7.33	85	
152	DH52110733	Nguyễn Sơn Dương	D21_TH11	7.28	77	
153	DH52110724	Lê Quang Duyệt	D21_TH11	7.67	78	
154	DH52111201	Phạm Quốc Lân	D21_TH11	8.20	76	
155	DH52113784	Nguyễn Thanh Phong	D21_TH11	7.00	77	
156	DH52111907	Phạm Hoàng Toàn	D21_TH11	7.59	88	
157	DH52113023	Nguyễn Minh Trường	D21_TH11	7.62	91	
158	DH52112120	Trần Đức Vượng	D21_TH11	7.72	82	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
159	DH52112124	Phạm Thị Khánh Vy		D21_TH11	7.64	83	
160	DH52111505	Ngô Triệu Phú		D21_TH12	7.15	78	
161	DH52111606	Nguyễn Minh Quân		D21_TH12	7.31	72	
162	DH52111824	Đặng Trương Hoàng Thọ		D21_TH12	7.52	87	
163	DH52111904	Nguyễn Minh Toàn		D21_TH12	7.87	76	
164	DH52111947	Nguyễn Hoàng Phương Trinh		D21_TH12	7.63	69	
165	DH52111977	Nguyễn Quang Trường		D21_TH12	7.58	71	
166	DH52112031	Nguyễn Hoài Tuyên		D21_TH12	7.46	77	
167	DH52112869	Nguyễn Thị Tường Vy		D21_TH12	7.82	88	
168	DH52111288	Đỗ Danh Mạnh		D21_TH13	7.68	84	
169	DH52111639	Bùi Trí Quỳnh		D21_TH13	7.55	86	
170	DH52111695	Nguyễn Văn Tài		D21_TH13	7.62	70	
171	DH52111968	Phạm Thành Trung		D21_TH13	7.35	70	
172	DH52111976	Nguyễn Minh Trường		D21_TH13	7.99	78	
173	DH52112077	Ngô Quốc Vinh		D21_TH13	7.25	78	
174	DH52110526	Châu Nguyễn Trường An		D21_TH14	7.98	83	
175	DH52110800	Nguyễn Võ Hoàng Hải Đăng		D21_TH14	7.39	85	
176	DH52112016	Trịnh Anh Tuấn		D21_TH14	7.15	84	
177	DH52200383	Trần Ngọc Bích		D22_TH01	7.83	72	
178	DH52200410	Đỗ Thành Chung		D22_TH01	7.84	72	
179	DH52200559	Lê Khánh Duy		D22_TH01	8.58	79	
180	DH52200637	Nguyễn Trí Hào		D22_TH01	7.06	67	
181	DH52200826	Hồ Tuấn Khải		D22_TH01	7.18	79	
182	DH52200848	Phan Vỹ Khang		D22_TH01	7.31	66	
183	DH52201544	Nguyễn Văn Thương		D22_TH01	7.43	74	
184	DH52200329	Nguyễn Hoàng Mai Anh		D22_TH02	7.65	68	
185	DH52200344	Võ Phương Anh		D22_TH02	7.25	73	
186	DH52200627	Nguyễn Thúy Hằng		D22_TH02	7.20	74	
187	DH52200821	Huỳnh Đông Kha		D22_TH02	7.27	70	
188	DH52200859	Nguyễn Phan Hữu Khanh		D22_TH02	8.02	74	
189	DH52200948	Ngô Anh Kiệt		D22_TH02	7.60	84	
190	DH52200975	Hoàng Đặng Diệp Lân		D22_TH02	7.56	78	
191	DH52201031	Triệu Kim Long		D22_TH02	8.84	72	
192	DH52201099	Nguyễn Phước Nghĩa		D22_TH02	7.49	72	
193	DH52111440	Huỳnh Nhu		D22_TH02	8.18	78	
194	DH52201183	Lai Thuận Phát		D22_TH02	7.00	78	
195	DH52201278	Nguyễn Ngọc Minh Phương		D22_TH02	7.14	82	
196	DH52201319	Nguyễn Văn Quý		D22_TH02	7.14	67	
197	DH52201516	Nguyễn Minh Thông		D22_TH02	7.56	76	
198	DH52201527	Trần Thị Minh Thư		D22_TH02	7.62	81	
199	DH52201581	Nguyễn Thị Kim Tò		D22_TH02	7.44	82	
200	DH52201610	Lương Thị Huyền Trang		D22_TH02	7.36	90	
201	DH52200319	Bùi Mai Trâm Anh		D22_TH03	7.30	76	
202	DH52200529	Bùi Hoàng Đức Dũng		D22_TH03	8.70	79	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
203	DH52200662	Nguyễn Minh	Hiền	D22_TH03	7.51	71	
204	DH52201066	Trịnh Nhật	Minh	D22_TH03	7.16	65	
205	DH52201275	Khuru Ngọc Thanh	Phương	D22_TH03	7.99	74	
206	DH52201392	Phạm Hữu	Tài	D22_TH03	7.01	75	
207	DH52201412	Trần Thanh	Tân	D22_TH03	7.08	67	
208	DH52201569	Nguyễn Trọng	Tín	D22_TH03	8.09	66	
209	DH52201699	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	D22_TH03	7.25	77	
210	DH52200388	Đỗ Thanh	Bình	D22_TH04	7.46	68	
211	DH52200695	Lê Lưu Trung	Hòa	D22_TH04	7.09	78	
212	DH52200700	Nguyễn Thanh	Hoài	D22_TH04	7.16	84	
213	DH52200717	Nguyễn Minh	Hoàng	D22_TH04	7.81	85	
214	DH52200787	Nguyễn Quốc	Huy	D22_TH04	8.70	77	
215	DH52200811	Võ Bùi Đình	Huy	D22_TH04	7.35	69	
216	DH52200876	Nguyễn Minh	Khánh	D22_TH04	8.08	72	
217	DH52201248	Nguyễn Thanh	Phúc	D22_TH04	7.14	73	
218	DH52201078	Nguyễn An	Nam	D22_TH05	7.17	71	
219	DH52201310	Nguyễn Vinh	Quang	D22_TH05	7.59	70	
220	DH52200446	Võ Chung Khánh	Đặng	D22_TH06	7.96	84	
221	DH52200593	Võ Hoàng	Duy	D22_TH06	7.76	79	
222	DH52200990	Nguyễn Mai	Lĩnh	D22_TH06	7.41	78	
223	DH52201164	Nguyễn Thị Hồng	Như	D22_TH06	7.30	67	
224	DH52201243	Nguyễn Hoàng	Phúc	D22_TH06	7.37	78	
225	DH52201401	Nguyễn Văn	Tâm	D22_TH06	7.32	68	
226	DH52201462	Nguyễn Trường	Thành	D22_TH06	7.54	65	
227	DH52201566	Hồ Văn	Tín	D22_TH06	7.44	78	
228	DH52201749	Hoàng Quốc	Việt	D22_TH06	8.00	65	
229	DH52201783	Đỗ Ngọc Tường	Vy	D22_TH06	7.51	69	
230	DH52200624	Nguyễn Gia	Hân	D22_TH07	7.27	73	
231	DH52200640	Tô Nhật	Hào	D22_TH07	7.63	69	
232	DH52200651	Nguyễn Trung	Hậu	D22_TH07	7.84	76	
233	DH52200690	Đỗ Văn	Hin	D22_TH07	7.30	81	
234	DH52200988	Phan Vũ	Linh	D22_TH07	7.93	76	
235	DH52201004	Trần Hữu	Lộc	D22_TH07	7.23	68	
236	DH52201096	Lý Hậu	Nghĩa	D22_TH07	7.30	70	
237	DH52201259	Trần Trọng	Phúc	D22_TH07	7.15	81	
238	DH52201267	Đỗ Hoàng	Phước	D22_TH07	7.37	77	
239	DH52201271	Trần Hữu	Phước	D22_TH07	7.41	79	
240	DH52201326	Trần ái	Quốc	D22_TH07	7.39	68	
241	DH52201400	Nguyễn Minh	Tâm	D22_TH07	7.89	78	
242	DH52201443	Trương Minh	Thắng	D22_TH07	7.75	70	
243	DH52201487	Trần Chí	Thiện	D22_TH07	8.52	75	
244	DH52201675	Hoàng Nhật	Trường	D22_TH07	7.51	68	
245	DH52201764	Phan Lực	Vinh	D22_TH07	7.09	65	
246	DH52200364	Ngô Thanh	Bảo	D22_TH08	7.33	66	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
247	DH52200424	Nguyễn Trí Cường	D22_TH08	7.63	68	
248	DH52200444	Tiêu Hải Đăng	D22_TH08	7.30	65	
249	DH52200587	Trần Khánh Duy	D22_TH08	7.65	66	
250	DH52200682	Nguyễn Khánh Hiều	D22_TH08	7.46	70	
251	DH52200742	Phạm Huỳnh Thanh Hưng	D22_TH08	7.44	65	
252	DH52200762	Đình Viêt Huy	D22_TH08	7.74	87	
253	DH52200803	Trần Gia Huy	D22_TH08	7.66	69	
254	DH52200843	Nguyễn Lưu Bảo Khang	D22_TH08	8.19	74	
255	DH52201067	Trương Ngọc Minh	D22_TH08	7.40	66	
256	DH52201126	Trần Trung Nguyên	D22_TH08	7.19	72	
257	DH52201173	Chong Tuấn Phát	D22_TH08	8.12	72	
258	DH52201291	Nguyễn Hồng Minh Quân	D22_TH08	7.68	75	
259	DH52201330	Ngô Minh Quý	D22_TH08	7.70	74	
260	DH52201366	Bùi Nguyễn Sơn	D22_TH08	7.14	71	
261	DH52201541	Nguyễn Duy Thức	D22_TH08	7.78	69	
262	DH52201607	Đoàn Thị Huyền Trang	D22_TH08	8.06	73	
263	DH52200568	Nguyễn Khánh Duy	D22_TH09	7.05	67	
264	DH52200737	Nguyễn Hoàng Hưng	D22_TH09	7.15	75	
265	DH52200881	Nguyễn Xuân Khánh	D22_TH09	7.16	74	
266	DH52200978	Phan Công Lập	D22_TH09	7.57	71	
267	DH52201371	Nguyễn Hùng Thanh Sơn	D22_TH09	7.67	73	
268	DH52201413	Đặng Mạnh Tấn	D22_TH09	7.10	72	
269	DH52201565	Bùi Tấn Tín	D22_TH09	7.42	74	
270	DH52200450	Lâm Công Danh	D22_TH10	7.97	72	
271	DH52200549	Nguyễn Thái Dương	D22_TH10	7.37	72	
272	DH52200580	Nguyễn Viêt Duy	D22_TH10	7.30	78	
273	DH52200647	Nguyễn Nhật Hạo	D22_TH10	7.61	69	
274	DH52200987	Nguyễn Trúc Linh	D22_TH10	7.21	82	
275	DH52201204	Đỗ Thanh Phong	D22_TH10	7.35	69	
276	DH52201230	Lâm Hoàng Phúc	D22_TH10	7.18	67	
277	DH52201328	Hồ Phú Quý	D22_TH10	7.34	68	
278	DH52201683	Nguyễn Văn Trường	D22_TH10	7.49	75	
279	DH52201722	Từ Quốc Tuấn	D22_TH10	7.34	66	
280	DH52200372	Nguyễn Trần Tuấn Bảo	D22_TH11	7.14	71	
281	DH52200374	Phan Trần Thái Bảo	D22_TH11	8.42	73	
282	DH52200404	Lâm Bảo Châu	D22_TH11	7.46	72	
283	DH52200511	Phạm Hữu Đồi	D22_TH11	7.85	75	
284	DH52200537	Nguyễn Tiên Dũng	D22_TH11	7.24	66	
285	DH52200666	Lâm Đức Hiệp	D22_TH11	7.63	69	
286	DH52200778	Nguyễn Gia Huy	D22_TH11	7.36	67	
287	DH52200933	Phan Nguyễn An Khương	D22_TH11	7.63	80	
288	DH52201028	Trần Bảo Long	D22_TH11	7.88	81	
289	DH52201211	Nguyễn Trần Nam Phong	D22_TH11	7.12	65	
290	DH52201244	Nguyễn Hoàng Trọng Phúc	D22_TH11	7.65	68	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
291	DH52201352	Nguyễn Hoàng Duy	San	D22_TH11	7.48	71	
292	DH52201572	Nguyễn Phúc Thiên	Tinh	D22_TH11	8.15	76	
293	DH52201604	Phạm Lê Huyền	Trân	D22_TH11	7.15	70	
294	DH52201684	Nguyễn Xuân	Trường	D22_TH11	7.04	69	
295	DH52201771	Lê Minh	Vũ	D22_TH11	7.30	71	
296	DH52200495	Trần Nguyễn	Đạt	D22_TH12	7.41	66	
297	DH52201454	Dương Nhật	Thành	D22_TH12	7.15	70	
298	DH52201476	Trần Văn	Thật	D22_TH12	7.21	78	
299	DH52201786	Trần Thị Yên	Vy	D22_TH12	7.39	79	
300	DH52200384	Trần Chánh	Biện	D22_TH13	7.31	70	
301	DH52200541	Trương Hùng	Dũng	D22_TH13	7.54	67	
302	DH52200548	Nguyễn Hoàng	Dương	D22_TH13	7.84	76	
303	DH52200775	Mè Thái	Huy	D22_TH13	8.50	79	
304	DH52200813	Võ Thanh	Huy	D22_TH13	8.02	78	
305	DH52200842	Nguyễn Hữu	Khang	D22_TH13	7.00	83	
306	DH52201272	Đặng Quang	Phương	D22_TH13	8.21	71	
307	DH52201517	Võ Minh	Thông	D22_TH13	7.87	69	
308	DH52200715	Nguyễn Minh	Hoàng	D22_TH14	7.59	69	
309	DH52201277	Nguyễn Đình	Phương	D22_TH14	7.76	65	
310	DH52201621	Lê Quốc	Trí	D22_TH14	7.20	76	
311	DH52201698	Nguyễn Thanh	Tú	D22_TH14	7.34	71	
312	DH52200316	Đào Trịnh	Ăn	D22_TH15	7.30	79	
313	DH52200530	Đặng Tiến	Dũng	D22_TH15	7.26	71	
314	DH52200731	Nguyễn Duy	Hùng	D22_TH15	7.54	70	
315	DH52200887	Trần Quốc	Khánh	D22_TH15	7.30	73	
316	DH52201264	Hồ Khôi	Phục	D22_TH15	7.22	71	
317	DH52203932	Phan Ngọc Tuấn	Hải	D23_TH01	8.61	74	
318	DH52300902	Đặng Hồ Đăng	Khôi	D23_TH01	7.45	66	
319	DH52302390	Nguyễn Văn	Pháp	D23_TH01	7.87	83	
320	DH52301692	Lê Quang	Sang	D23_TH01	7.07	74	
321	DH52301846	Nguyễn Hữu	Thiện	D23_TH01	7.77	88	
322	DH52302098	Nguyễn Minh	Trí	D23_TH01	7.77	88	
323	DH52302237	Hà Thanh	Tùng	D23_TH01	7.62	72	
324	DH52300262	Nguyễn Tuấn	Dũng	D23_TH02	7.43	73	
325	DH52300717	Trần Ngọc	Huy	D23_TH02	7.64	68	
326	DH52302334	Trần Hà Anh	Vũ	D23_TH02	7.76	71	
327	DH52300106	Nguyễn Đại Thiên	Ăn	D23_TH03	7.87	84	
328	DH52300794	Nguyễn Minh	Khang	D23_TH03	7.24	75	
329	DH52301354	Huỳnh Lê Trọng	Nhân	D23_TH03	7.80	73	
330	DH52301551	Nguyễn Hoàng	Phúc	D23_TH03	7.53	69	
331	DH52301610	Trương Minh	Quang	D23_TH03	7.14	76	
332	DH52301901	Trần Ngọc Thu	Thảo	D23_TH03	8.02	70	
333	DH52301845	Lý Minh	Thiện	D23_TH03	7.03	70	
334	DH52301870	Hồ Khánh	Thịnh	D23_TH03	8.24	66	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
335	DH52301842	Trần Thiên	Thời	D23_TH03	7.42	72	
336	DH52301980	Đặng Anh	Tiến	D23_TH03	7.23	75	
337	DH52302344	Lê Triệu Thảo	Vy	D23_TH03	8.71	74	
338	DH52300077	Tổng Thế	Anh	D23_TH04	7.21	73	
339	DH52300258	Nguyễn Anh	Dũng	D23_TH04	7.57	73	
340	DH52300596	Huỳnh Lâm	Hoàng	D23_TH04	7.49	89	
341	DH52300671	Lê Phước	Huy	D23_TH04	7.66	78	
342	DH52301049	Phan Văn Hoài	Linh	D23_TH04	7.76	70	
343	DH52301303	Đỗ Khôi	Nguyên	D23_TH04	7.26	67	
344	DH52301848	Nguyễn Nhật	Thiện	D23_TH04	8.09	72	
345	DH52302004	Viên Hữu	Tiến	D23_TH04	7.92	76	
346	DH52300291	Nguyễn Quốc	Duy	D23_TH05	7.14	70	
347	DH52300572	Nguyễn Đức	Hào	D23_TH05	7.19	75	
348	DH52300714	Trần Lê Gia	Huy	D23_TH05	7.24	68	
349	DH52301103	Đình Hoàng	Luật	D23_TH05	7.10	71	
350	DH52301182	Nguyễn Thị Trà	My	D23_TH05	7.17	80	
351	DH52301117	Nguyễn Văn Phú	Mỹ	D23_TH05	7.09	76	
352	DH52301193	Lê Phạm Hoài	Nam	D23_TH05	7.22	70	
353	DH52301350	Lê Thanh	Nhàn	D23_TH05	7.72	77	
354	DH52301867	Nguyễn Văn	Thông	D23_TH05	7.66	80	
355	DH52302339	Trịnh Ngọc Quốc	Vương	D23_TH05	7.74	72	
356	DH52300025	Bùi Thế	Anh	D23_TH06	7.30	72	
357	DH52300137	Cao Trí	Bảo	D23_TH06	7.32	67	
358	DH52300401	Ngô Thành	Đạt	D23_TH06	7.17	79	
359	DH52300430	Phạm Đức	Đạt	D23_TH06	7.43	82	
360	DH52300440	Hỷ Ngọc	Đường	D23_TH06	7.83	80	
361	DH52300290	Nguyễn Phạm Khánh	Duy	D23_TH06	7.26	66	
362	DH52300446	Phan Trường	Giang	D23_TH06	7.39	66	
363	DH52300741	Lê Quốc	Hưng	D23_TH06	7.69	67	
364	DH52300653	Dương Thành	Huy	D23_TH06	7.14	72	
365	DH52301149	Nguyễn Tuấn	Minh	D23_TH06	7.98	82	
366	DH52300186	Đặng Văn	Châu	D23_TH07	7.63	87	
367	DH52300614	Võ Đặng Văn	Hoàng	D23_TH07	7.92	81	
368	DH52300836	Nguyễn Minh Duy	Khánh	D23_TH07	8.74	69	
369	DH52301054	Trần Nhật Phương	Linh	D23_TH07	7.64	66	
370	DH52301022	Tăng Việt	Lợi	D23_TH07	7.15	69	
371	DH52301363	Nguyễn Trí	Nhân	D23_TH07	7.25	82	
372	DH52301411	Huỳnh Thanh	Nhật	D23_TH07	7.27	79	
373	DH52302017	Bùi Trung	Tính	D23_TH07	7.65	87	
374	DH52302091	Lê Minh	Trí	D23_TH07	7.58	83	
375	DH52302181	Vũ Phạm Minh	Trường	D23_TH07	7.57	76	
376	DH52302229	Trần Mạnh	Tuấn	D23_TH07	8.31	73	
377	DH52302268	Trần Thị Phương	Uyên	D23_TH07	7.72	81	
378	DH52300451	Huỳnh Huệ Minh	Giàu	D23_TH08	7.64	70	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
379	DH52300485	Trần Quốc	Hào	D23_TH08	8.19	76	
380	DH52300578	Châu Trung	Hòa	D23_TH08	7.54	74	
381	DH52300808	Trần Minh	Khang	D23_TH08	7.88	79	
382	DH52300994	Nguyễn Quang	Lâm	D23_TH08	7.12	79	
383	DH52301160	Tươi Cao	Minh	D23_TH08	7.29	70	
384	DH52301543	Lê Minh	Phúc	D23_TH08	7.72	70	
385	DH52301559	Thiều Thị Hồng	Phúc	D23_TH08	7.14	71	
386	DH52301667	Trần Văn	Quý	D23_TH08	7.55	78	
387	DH52301971	Nguyễn Thị	Thùy	D23_TH08	7.25	71	
388	DH52302382	Trần Hải	Yên	D23_TH08	7.09	72	
389	DH52300219	Nguyễn Huy	Cường	D23_TH09	7.39	89	
390	DH52300329	Võ Thái	Dương	D23_TH09	7.95	83	
391	DH52301152	Trần Đức	Minh	D23_TH09	7.62	70	
392	DH52301239	Lương Nguyễn Kim	Ngân	D23_TH09	8.11	72	
393	DH52300151	Ngô Lưu Gia	Bảo	D23_TH10	7.73	80	
394	DH52302430	Nguyễn Hữu	Bảo	D23_TH10	7.28	69	
395	DH52300182	Nguyễn Chương	Bút	D23_TH10	8.44	72	
396	DH52300872	Huỳnh Đăng	Khoa	D23_TH10	7.37	79	
397	DH52301573	Phạm Bá	Phước	D23_TH10	8.19	72	
398	DH52302579	Nguyễn Quang	Chí	D23_TH11	8.14	68	
399	DH52300884	Nguyễn Minh	Khoa	D23_TH11	7.64	71	
400	DH52300979	Đoàn Nhật	Lam	D23_TH11	7.88	66	
401	DH52301271	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	D23_TH11	7.38	89	
402	DH52301317	Nguyễn Hoàng Nhựt	Nguyên	D23_TH11	7.32	77	
403	DH52302325	Lê Mạnh	Vũ	D23_TH11	7.34	74	
404	DH52300129	Bùi Công	Bằng	D23_TH12	8.86	75	
405	DH52300153	Nguyễn Gia	Bảo	D23_TH12	7.94	76	
406	DH52302863	Nguyễn Thành	Công	D23_TH12	7.49	73	
407	DH52300334	Lê Xuân	Đào	D23_TH12	7.14	72	
408	DH52302155	Trương Đặng Minh	Trung	D23_TH12	7.70	66	
409	DH52302176	Trần Quang	Trường	D23_TH12	7.67	69	
410	DH52300211	Nguyễn Văn Hoàng	Cung	D23_TH13	7.86	73	
411	DH52300473	Mai Anh	Hào	D23_TH13	7.88	87	
412	DH52300694	Nguyễn Ngọc	Huy	D23_TH13	7.04	90	
413	DH52300771	Huỳnh Nam	Kha	D23_TH13	7.73	72	
414	DH52300879	Nguyễn Đăng	Khoa	D23_TH13	7.25	65	
415	DH52400351	Lưu Nguyễn Hoàng	Bảo	D24_TH01	7.96	79	
416	DH52400486	Trần Quang	Hiếu	D24_TH01	7.50	66	
417	DH52400613	Nguyễn Văn	Lịch	D24_TH01	7.75	76	
418	DH52400721	Lý Hoàng	Phúc	D24_TH02	7.00	72	
419	DH52400819	Phạm Đức	Thiện	D24_TH02	7.03	71	
420	DH52402044	Lê Nhất	Khải	D24_TH03	8.90	72	
421	DH52400580	Phạm Đăng	Khoa	D24_TH03	7.52	65	
422	DH52400640	Nguyễn Đình	Mạnh	D24_TH03	8.14	66	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
423	DH52400674	Lương Phương	Nguyên	D24_TH03	7.23	67	
424	DH52400704	Lý Quyền	Phong	D24_TH03	7.69	70	
425	DH52400744	Mai Nhựt	Quân	D24_TH03	8.54	75	
426	DH52400780	Đỗ Anh	Tài	D24_TH03	7.19	66	
427	DH52400889	Bùi Minh	Tuấn	D24_TH03	8.89	78	
428	DH52400903	Phan Minh	Tuấn	D24_TH03	8.87	71	
429	DH52400543	Thái Dương Khánh	Huyền	D24_TH04	7.66	82	
430	DH52400595	Đoàn Hồ Anh	Kiệt	D24_TH04	7.05	80	
431	DH52400651	Phạm Hải	Nam	D24_TH04	8.31	68	
432	DH52400711	Lê Hoàng	Phú	D24_TH04	8.96	77	
433	DH52400921	Lê Thành	Vinh	D24_TH04	8.91	79	
434	DH52400340	Cao Thị Lan	Anh	D24_TH05	7.57	67	
435	DH52400489	Nguyễn Thái	Hòa	D24_TH06	7.32	71	
436	DH52400550	Đoàn Duy	Khang	D24_TH06	9.47	74	
437	DH52400600	Nguyễn Thành Anh	Kiệt	D24_TH06	9.34	76	
438	DH52400672	Hồ Văn Thái	Nguyên	D24_TH06	7.63	65	
439	DH52400782	Tạ Tấn	Tài	D24_TH06	7.36	77	
440	DH52400733	Dương Thị Kim	Phụng	D24_TH08	7.67	87	
441	DH52401516	Phạm Thị Hoàng	Yên	D24_TH08	7.30	71	
442	DH62112875	Đinh Ngọc Quý	Án	D21_CNTP01	8.56	77	
443	DH62104781	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	D21_CNTP01	7.85	75	
444	DH62112498	Văn Nhất Bảo	Châu	D21_CNTP01	7.79	73	
445	DH62112505	Dương Thị Thùy	Dương	D21_CNTP01	7.32	67	
446	DH62108791	Lê Công	Lập	D21_CNTP01	7.99	81	
447	DH62104097	Lê Văn Hồng	Mạnh	D21_CNTP01	7.25	73	
448	DH62112554	Nguyễn Thị Như	Ngọc	D21_CNTP01	8.18	69	
449	DH62105062	Lê Đặng Phương	Thảo	D21_CNTP01	8.18	69	
450	DH62201816	Dương Bích	Hạ	D22_CNTP01	7.48	68	
451	DH62201840	Bùi Nhã	Minh	D22_CNTP01	7.45	70	
452	DH62201861	Cao	Phúc	D22_CNTP01	7.90	79	
453	DH62201887	Nguyễn Hoàng	Trí	D22_CNTP01	7.66	81	
454	DH62201906	Nguyễn Hoàng Kim	Yên	D22_CNTP01	7.17	84	
455	DH62300002	Diệp Tuấn	An	D23_TP01	8.06	70	
456	DH62300196	Nguyễn Minh	Chiến	D23_TP01	7.84	74	
457	DH62300833	Nguyễn Gia	Khánh	D23_TP01	7.50	68	
458	DH62300944	Dương Tuấn	Kiệt	D23_TP01	7.98	73	
459	DH62301130	Diệp Ngọc Gia	Minh	D23_TP01	7.36	72	
460	DH62301657	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	D23_TP01	7.50	65	
461	DH62302053	Tạ Yên	Trang	D23_TP01	7.25	87	
462	DH62401769	Mai Xuân	Hương	D24_TP01	7.52	69	
463	DH62401130	Lý Tường	Lâm	D24_TP01	7.44	80	
464	DH62401609	Nguyễn Tấn	Lộc	D24_TP01	7.76	78	
465	DH62401141	Nguyễn Hưng	Phát	D24_TP01	7.13	74	
466	DH62401145	Trần Ngọc Phương	Thảo	D24_TP01	7.10	76	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
467	DH62401150	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D24_TP01	8.22	77	
468	DH62401161	Võ Thanh	Trí	D24_TP01	8.12	67	
469	DH72106561	Nguyễn Trần Mỹ	Duyên	D21_KD01	7.34	66	
470	DH72106027	Ngô Lý Khánh	Linh	D21_KD01	7.13	74	
471	DH72104542	Nguyễn Thị ánh	Loan	D21_KD01	8.59	75	
472	DH72005969	Lâm Thị Bích	Ngân	D21_KD01	7.75	72	
473	DH72001103	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	D21_KD01	7.05	72	
474	DH72100494	Trần Ngô Huệ	Nhân	D21_KD01	7.80	68	
475	DH72105421	Phạm Như	Quỳnh	D21_KD01	7.92	69	
476	DH72104541	Đào Nguyên Như	ý	D21_KD01	7.48	77	
477	DH72113472	Nguyễn Duy	Đạt	D21_KD02	7.53	69	
478	DH72109833	Nguyễn Phi	Hùng	D21_KD02	7.78	86	
479	DH72109951	Mai Thiên	Lộc	D21_KD02	7.28	69	
480	DH72114677	Võ Tuyên Ngọc	Minh	D21_KD02	8.02	68	
481	DH72109998	Trần Thị Hải	My	D21_KD02	7.88	71	
482	DH72110017	Lê Thanh	Ngân	D21_KD02	7.26	84	
483	DH72110026	Nguyễn Thị Phương	Ngân	D21_KD02	7.79	78	
484	DH72101504	Phạm Văn	Phú	D21_KD02	7.29	67	
485	DH72110157	Văn Thị Thu	Phương	D21_KD02	7.46	74	
486	DH72114600	Phạm Nguyễn Anh	Thư	D21_KD02	7.55	71	
487	DH72110352	Nguyễn Quỳnh	Trang	D21_KD02	7.49	68	
488	DH72114017	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D21_KD02	8.66	68	
489	DH72110437	Hà Thanh	Tuyên	D21_KD02	8.27	78	
490	DH72110517	Huỳnh Thụy Hoàng	Yên	D21_KD02	8.27	70	
491	DH72113831	Trần Nguyên	An	D21_MAR01	7.59	71	
492	DH72113915	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giang	D21_MAR01	7.97	71	
493	DH72114402	Đặng Thị Hồng	Hạnh	D21_MAR01	7.26	73	
494	DH72113964	Nguyễn Lê Xuân	Hào	D21_MAR01	7.20	65	
495	DH72114099	Trần Đặng Khánh	Hiền	D21_MAR01	7.53	86	
496	DH72104786	Nguyễn Lê Chí	Hiếu	D21_MAR01	7.99	82	
497	DH72100169	Võ Thị Cẩm	Hồng	D21_MAR01	7.50	65	
498	DH72114101	Nguyễn Thị Minh	Huyền	D21_MAR01	7.70	71	
499	DH72114023	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D21_MAR01	7.64	66	
500	DH72103443	Võ Thị	Linh	D21_MAR01	7.27	68	
501	DH72114640	Trần Thị ánh	Nguyệt	D21_MAR01	7.56	86	
502	DH72114635	Nguyễn Phương	Thúy	D21_MAR01	7.58	82	
503	DH72114157	Trần Thị Kim	Thúy	D21_MAR01	8.00	71	
504	DH72110299	Cao Nguyễn Thị	Thùy	D21_MAR01	7.75	75	
505	DH72114633	Võ Trương Hà	Tiên	D21_MAR01	7.34	73	
506	DH72104618	Trần Lê Huỳnh	Tính	D21_MAR01	7.64	71	
507	DH72114248	Nguyễn Trần Quyên	Trâm	D21_MAR01	7.86	90	
508	DH72102380	Mai Cẩm	Tú	D21_MAR01	7.08	66	
509	DH72114068	Nguyễn Vũ Như	Uyên	D21_MAR01	7.61	81	
510	DH72108693	Trần Ngọc Bảo	Uyên	D21_MAR01	8.05	75	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB DGRL	Ghi chú
511	DH72109636	Trương Nguyễn Gia	Bảo	D21_MAR02	7.96	66	
512	DH72109663	Đỗ Tiên	Danh	D21_MAR02	7.97	75	
513	DH72109770	Thái Gia	Hân	D21_MAR02	7.81	81	
514	DH72109754	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	D21_MAR02	8.12	77	
515	DH72109755	Phan Thị Thu	Hằng	D21_MAR02	7.99	81	
516	DH72109848	Võ Đức	Huy	D21_MAR02	8.13	66	
517	DH72109934	Nguyễn Thị Trúc	Linh	D21_MAR02	7.43	66	
518	DH72109946	Nguyễn Ngọc Hồng	Loan	D21_MAR02	7.95	73	
519	DH72113534	Phạm Thị Kiều	Loan	D21_MAR02	8.22	74	
520	DH72109989	Nguyễn Gia	Minh	D21_MAR02	7.96	81	
521	DH72104592	Hồ Vũ Hồng	Nhi	D21_MAR02	7.70	70	
522	DH72110122	Lê Trần Han	Ny	D21_MAR02	7.81	67	
523	DH72110156	Trần Thị Thu	Phuong	D21_MAR02	7.66	81	
524	DH72110189	Võ Thị Hoàn	Quyên	D21_MAR02	7.43	83	
525	DH72110246	Lê Thị Phương	Thảo	D21_MAR02	7.52	70	
526	DH72110254	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D21_MAR02	8.56	73	
527	DH72110294	Nguyễn Ngọc	Thuận	D21_MAR02	7.75	72	
528	DH72100117	Phan Thị Thu	Thủy	D21_MAR02	7.73	80	
529	DH72110443	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D21_MAR02	7.62	75	
530	DH72113733	Vòng Ngọc Phương	Uyên	D21_MAR02	7.86	67	
531	DH72110491	Lê Kiều	Vy	D21_MAR02	7.78	74	
532	DH72108554	Nguyễn Linh	Chi	D21_MAR03	7.17	78	
533	DH72106531	Phạm Thị Trúc	Giang	D21_MAR03	7.32	71	
534	DH72104735	Nguyễn Thị Thu	Hằng	D21_MAR03	7.89	83	
535	DH72104586	Trần Yên	Hằng	D21_MAR03	7.55	68	
536	DH72106446	Võ Ngọc Yên	Nhi	D21_MAR03	7.23	65	
537	DH72108779	Lý Thanh	Thảo	D21_MAR03	7.63	70	
538	DH72108934	Võ Văn	Tuấn	D21_MAR03	7.15	71	
539	DH72101230	Quan Quốc	Uy	D21_MAR03	7.64	81	
540	DH72106132	Võ Thị	Vân	D21_MAR03	7.95	76	
541	DH72108206	Nguyễn Văn	Vinh	D21_MAR03	7.63	68	
542	DH72106126	Nguyễn Thị Lan	Anh	D21_MAR04	7.55	73	
543	DH72100013	Huỳnh Bửu	Doanh	D21_MAR04	7.62	72	
544	DH72111005	Lê Anh	Huy	D21_MAR04	7.61	69	
545	DH72110013	Bùi Thị Kim	Ngân	D21_MAR04	7.32	80	
546	DH72114676	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	D21_MAR04	8.02	66	
547	DH72104575	Phạm Thị	Quý	D21_MAR04	7.48	71	
548	DH72100193	Nguyễn Trịnh Thanh	Trúc	D21_MAR04	7.16	69	
549	DH72100573	Huỳnh Ngọc Minh	Tuấn	D21_MAR04	8.37	74	
550	DH72113872	Nguyễn Việt Minh	Vũ	D21_MAR04	8.16	77	
551	DH72113728	Trịnh Quốc Hoàn	Câu	D21_MAR05	7.28	70	
552	DH72113762	Đoàn Thị Xuân	Diệu	D21_MAR05	7.37	76	
553	DH72109733	Nguyễn Hồng	Hà	D21_MAR05	8.06	75	
554	DH72114515	Nguyễn Thục	Hiền	D21_MAR05	7.01	71	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
555	DH72113291	Huỳnh Trung	Hiếu	D21_MAR05	7.79	79	
556	DH72109893	Nguyễn Ngọc Minh	Khuê	D21_MAR05	7.33	68	
557	DH72110023	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D21_MAR05	7.85	72	
558	DH72110041	Ngô Thị Cẩm	Ngọc	D21_MAR05	7.63	75	
559	DH72110058	Phạm Thị Thanh	Nhàn	D21_MAR05	7.03	66	
560	DH72110123	Đặng Thị Hoàng	Oanh	D21_MAR05	7.58	72	
561	DH72110132	Đinh Thị	Phấn	D21_MAR05	7.64	81	
562	DH72110143	Nguyễn Trọng	Phúc	D21_MAR05	7.70	66	
563	DH72110266	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D21_MAR05	7.72	75	
564	DH72110308	Tài Nữ An	Thuyên	D21_MAR05	7.22	78	
565	DH72110343	Lê Anh	Toại	D21_MAR05	7.29	82	
566	DH72110364	Lê Thị Ngọc	Trâm	D21_MAR05	7.18	73	
567	DH72100229	Đoàn Phương	Dung	D21_TC01	7.79	75	
568	DH72106578	Mai Thị Tuyết	Nhi	D21_TC01	7.58	83	
569	DH72107432	Lê Huỳnh	Như	D21_TC01	7.91	88	
570	DH72108537	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D21_TC01	7.45	81	
571	DH72101483	Phan Hồng	Phương	D21_TC01	7.52	75	
572	DH72100257	Trương Kim	Thơ	D21_TC01	7.02	72	
573	DH72105123	Lê Thị Minh	Thùy	D21_TC01	7.65	88	
574	DH72106636	Nguyễn Hữu	Toản	D21_TC01	7.16	80	
575	DH72108232	Triệu Thị	Trang	D21_TC01	7.39	84	
576	DH72106705	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	D21_TC01	7.52	72	
577	DH72107470	Lê Thị Ngọc	Tú	D21_TC01	7.53	65	
578	DH72101033	Huỳnh Thị ánh	Tuyết	D21_TC01	7.46	80	
579	DH72104049	Cao Ngọc Thảo	Uyên	D21_TC01	7.97	81	
580	DH72100109	Nguyễn Thị Trung	ánh	D21_TC02	7.23	66	
581	DH72100553	Nguyễn Tuấn	Bảo	D21_TC02	7.89	80	
582	DH72103098	Đỗ Tuấn	Đạt	D21_TC02	8.35	65	
583	DH72113335	Lê Thụy Ngọc	Diễm	D21_TC02	7.93	73	
584	DH72100683	Ngô Thị Thùy	Dung	D21_TC02	7.18	67	
585	DH72109072	Phạm Thị Mỹ	Dung	D21_TC02	7.18	88	
586	DH72109748	Nguyễn Quang	Hào	D21_TC02	7.38	65	
587	DH72109796	Âu Mỹ	Hoa	D21_TC02	8.24	75	
588	DH72109914	Đinh Thanh	Liêm	D21_TC02	7.70	71	
589	DH72109919	Chung Hoàng	Linh	D21_TC02	7.95	73	
590	DH72109936	Nguyễn Vũ Phương	Linh	D21_TC02	7.55	69	
591	DH72109940	Trần Thị Mỹ	Linh	D21_TC02	7.37	73	
592	DH72109973	Đỗ Thị Thanh	Mai	D21_TC02	7.36	65	
593	DH72110052	Nguyễn Thảo	Nguyên	D21_TC02	8.52	71	
594	DH72110076	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	D21_TC02	7.38	77	
595	DH72111828	Nguyễn Duy	Thoại	D21_TC02	7.17	65	
596	DH72112824	Lê Thị Mỹ	Tiên	D21_TC02	7.81	71	
597	DH72100135	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	D21_TC02	7.92	76	
598	DH72110338	Phạm Quốc	Tiến	D21_TC02	7.40	69	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
599	DH72110350	Đỗ Thị Đài Trang	D21_TC02	7.42	79	
600	DH72110467	Huỳnh Ngọc Tuyết Vân	D21_TC02	7.84	77	
601	DH72114494	Nguyễn Ngọc Bảo Yên	D21_TC02	7.84	77	
602	DH72109592	Phi Lê Ngọc An	D21_TC03	7.93	80	
603	DH72109712	Nguyễn Thị Thục Đoan	D21_TC03	8.51	76	
604	DH72109669	Trịnh Thị Thùy Dung	D21_TC03	7.38	67	
605	DH72109777	Trần Thị Thu Hậu	D21_TC03	7.74	82	
606	DH72109813	Nguyễn Thị Kim Hoàng	D21_TC03	7.34	72	
607	DH72109825	Hồ Thị Thanh Huệ	D21_TC03	7.17	68	
608	DH72109842	Nguyễn Quang Huy	D21_TC03	7.20	66	
609	DH72109901	Lê Thị Thúy Kiều	D21_TC03	8.40	74	
610	DH72112982	Trần Hoàng Lê	D21_TC03	7.87	77	
611	DH72109948	Trịnh Thiêm Long	D21_TC03	7.13	72	
612	DH72110011	Nguyễn Ngọc Nga	D21_TC03	8.32	77	
613	DH72110015	Đặng Huỳnh Thiên Ngân	D21_TC03	7.23	66	
614	DH72113827	La Thị Xuân Nhi	D21_TC03	7.01	79	
615	DH72110139	Mai Trọng Phúc	D21_TC03	7.75	97	
616	DH72111645	Nguyễn Văn Quỳnh	D21_TC03	7.89	68	
617	DH72110213	Vũ Cao Sáng	D21_TC03	7.68	66	
618	DH72110363	Cù Nguyễn Ngọc Trâm	D21_TC03	7.67	75	
619	DH72110395	Dương Ngọc Thanh Trúc	D21_TC03	7.49	66	
620	DH72110511	Lê Thị Mỹ ý	D21_TC03	7.86	75	
621	DH72110524	Phạm Thị Ngọc Yên	D21_TC03	7.55	69	
622	DH72201995	Trần Thanh Duy	D22_KD01	7.93	82	
623	DH72202005	Nguyễn Thị Thu Duyên	D22_KD01	7.07	84	
624	DH72202007	Trần Thị Mỹ Duyên	D22_KD01	7.52	90	
625	DH72202143	Ngô Thị Bích Liên	D22_KD01	7.75	71	
626	DH72202148	Nguyễn Thị Khánh Linh	D22_KD01	7.06	66	
627	DH72202354	Nguyễn Thanh Thảo	D22_KD01	7.56	70	
628	DH72202385	Nguyễn Mộng Anh Thư	D22_KD01	7.51	73	
629	DH72202418	Phạm Đỗ Bảo Trâm	D22_KD01	7.62	74	
630	DH72202427	Phạm Đỗ Bảo Trân	D22_KD01	7.28	74	
631	DH72202466	Phạm Nguyễn Thanh Trúc	D22_KD01	7.90	76	
632	DH72201951	Lê Công Chính	D22_KD02	7.37	78	
633	DH72201982	Trương Thị Bích Dung	D22_KD02	7.77	73	
634	DH72202179	Đàm Thị Bích Mị	D22_KD02	7.10	67	
635	DH72202245	Đỗ Thị Yên Nhi	D22_KD02	7.99	75	
636	DH72202252	Nguyễn Thị Yên Nhi	D22_KD02	7.43	76	
637	DH72202281	Trần Quảng Phát	D22_KD02	7.37	66	
638	DH72202322	Nguyễn Ngọc Tài	D22_KD02	7.16	69	
639	DH72202441	Trương Thùy Trang	D22_KD02	7.58	80	
640	DH72201949	Trần Minh Chiến	D22_MAR01	7.31	70	
641	DH72202081	Phạm Thanh Hương	D22_MAR01	7.85	67	
642	DH72202123	Nguyễn Phước Khôi	D22_MAR01	7.32	76	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
643	DH72202236	Nguyễn Hoa Phong	Nhã	D22_MAR01	7.98	67
644	DH72202259	Trịnh Nguyễn An	Nhi	D22_MAR01	7.54	89
645	DH72202269	Phan Thị Huỳnh	Như	D22_MAR01	7.09	69
646	DH72202300	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	D22_MAR01	7.09	71
647	DH72202357	Nguyễn Thu	Thào	D22_MAR01	7.45	66
648	DH72202383	Nguyễn Anh	Thư	D22_MAR01	7.57	69
649	DH72202438	Trần Phương	Trang	D22_MAR01	8.60	68
650	DH72202513	Lê Hạ	Vy	D22_MAR01	7.42	73
651	DH72201944	Quách Ngọc	Châu	D22_MAR02	8.17	67
652	DH72202032	Nguyễn Nữ Minh	Hằng	D22_MAR02	7.09	77
653	DH72202082	Phan Thị Mai	Hương	D22_MAR02	7.81	69
654	DH72202087	Nguyễn Anh	Huy	D22_MAR02	7.61	76
655	DH72202098	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	D22_MAR02	7.40	68
656	DH72202138	Nguyễn Ngọc	Lan	D22_MAR02	8.01	72
657	DH72202169	Trần Thị Diệu	Ly	D22_MAR02	7.59	79
658	DH72202203	Huỳnh Thị Kim	Ngân	D22_MAR02	7.52	69
659	DH72202212	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D22_MAR02	7.45	77
660	DH72202216	Trần Thị Thúy	Ngân	D22_MAR02	7.69	76
661	DH72202233	Trần Thị Thảo	Nguyên	D22_MAR02	7.46	79
662	DH72202362	Phan Nguyễn Phương	Thảo	D22_MAR02	7.20	74
663	DH72202375	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D22_MAR02	7.11	65
664	DH72202393	Ngô Thị Hồng	Thương	D22_MAR02	7.02	82
665	DH72202430	Trần Bảo	Trần	D22_MAR02	8.32	77
666	DH72202534	Huỳnh Ngọc Hoàng	Yên	D22_MAR02	7.39	77
667	DH72202066	Nguyễn Phan Mỹ	Hoài	D22_MAR03	7.62	75
668	DH72202089	Nguyễn Chánh Gia	Huy	D22_MAR03	7.18	65
669	DH72202168	Nguyễn Thị Yên	Ly	D22_MAR03	7.58	72
670	DH72202244	Đào Yên	Nhi	D22_MAR03	7.80	84
671	DH72202321	Nguyễn Đức	Tài	D22_MAR03	7.12	65
672	DH72202352	Mỹ Thị Hiền	Thảo	D22_MAR03	7.50	73
673	DH72202509	Mã Quốc	Vượng	D22_MAR03	7.05	75
674	DH72202537	Mai Thị Hải	Yên	D22_MAR03	7.44	71
675	DH72201998	Đinh Ngọc Phương	Duyên	D22_MAR04	7.19	74
676	DH72202000	Lê Thị	Duyên	D22_MAR04	7.58	83
677	DH72202027	Phan Trần Bảo	Hân	D22_MAR04	7.20	69
678	DH72202214	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	D22_MAR04	7.69	69
679	DH72202235	Đinh Thị Thu	Nguyệt	D22_MAR04	7.78	73
680	DH72202287	Lý Tuyết	Phụng	D22_MAR04	7.30	78
681	DH72203799	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D22_MAR04	7.73	71
682	DH72202377	Đỗ Thành	Thông	D22_MAR04	7.64	71
683	DH72203702	Lê Ngọc	Thu	D22_MAR04	7.68	67
684	DH72202488	Mai Thị Thanh	Tuyền	D22_MAR04	8.08	74
685	DH72201916	Huỳnh Ngọc Chiêu	Anh	D22_TC01	7.73	73
686	DH72201953	Đỗ Thị Hồng	Cúc	D22_TC01	7.50	82

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
687	DH72201958	Châu Danh	D22_TC01	7.21	78	
688	DH72202024	Nguyễn Gia Hân	D22_TC01	8.18	76	
689	DH72202053	Trần Thị Huệ	D22_TC01	7.62	79	
690	DH72202058	Trần Minh Hiếu	D22_TC01	7.40	71	
691	DH72202141	Nguyễn Kim Lân	D22_TC01	7.83	86	
692	DH72202154	Trần Ngọc Trúc	D22_TC01	7.38	74	
693	DH72202162	Nguyễn Tuấn Lợi	D22_TC01	8.33	78	
694	DH72202243	Châu Tuyết Nhi	D22_TC01	7.00	66	
695	DH72202247	Lê Yên Nhi	D22_TC01	7.15	75	
696	DH72202369	Trần Đình Thi	D22_TC01	7.41	66	
697	DH72202373	Đặng Thị Tiêu	D22_TC01	7.20	75	
698	DH72202386	Nguyễn Ngọc Anh	D22_TC01	7.85	77	
699	DH72202391	Trương Thị Anh	D22_TC01	7.80	75	
700	DH72202395	Trần Võ Thị Hoài	D22_TC01	7.48	77	
701	DH72202400	Phan Thị Cẩm	D22_TC01	7.23	82	
702	DH72202403	Nguyễn Thị Minh	D22_TC01	8.18	65	
703	DH72202435	Nguyễn Thị Ngọc	D22_TC01	7.33	71	
704	DH72202505	Võ Thùy Vi	D22_TC01	7.67	70	
705	DH72202517	Nguyễn Đào Tường	D22_TC01	8.40	75	
706	DH72202966	Phan Châu Anh	D22_TC02	7.07	71	
707	DH72201945	Trần Thị Quỳnh	D22_TC02	7.03	65	
708	DH72203695	Trần Thị Thùy	D22_TC02	7.18	68	
709	DH72202011	Trần Hoàng	D22_TC02	7.43	67	
710	DH72202031	Lê Mỹ Hằng	D22_TC02	7.12	75	
711	DH72202042	Lê Phúc Hậu	D22_TC02	8.17	74	
712	DH72202047	Hoàng Thị Thu	D22_TC02	7.58	74	
713	DH72202061	Phan Nguyễn Thị Kim	D22_TC02	7.82	80	
714	DH72203685	Tạ Minh Hùng	D22_TC02	7.55	68	
715	DH72202131	Nguyễn Hoàng Anh	D22_TC02	7.40	65	
716	DH72202150	Nguyễn Thị Ngọc Yên	D22_TC02	7.73	71	
717	DH72203712	Quách Thị Gia	D22_TC02	7.43	68	
718	DH72203682	Nguyễn Thị Kiều	D22_TC02	7.98	72	
719	DH72202186	Nguyễn Liễu Trà	D22_TC02	7.09	81	
720	DH72202192	Châu Thị Thế	D22_TC02	7.25	68	
721	DH72202224	Lê Thị Diễm	D22_TC02	7.24	67	
722	DH72202237	Nguyễn Phạm Thanh	D22_TC02	7.28	72	
723	DH72202271	Trần Quỳnh	D22_TC02	7.48	79	
724	DH72202279	Huỳnh Tấn	D22_TC02	7.53	74	
725	DH72202328	Phạm Thị Như	D22_TC02	7.21	66	
726	DH72202396	Võ Dương Hoài	D22_TC02	7.73	75	
727	DH72202426	Nguyễn Ngọc Mai	D22_TC02	7.22	77	
728	DH72203709	Nguyễn Thị Bảo	D22_TC02	7.06	67	
729	DH72202428	Phạm Thị Bảo	D22_TC02	7.18	85	
730	DH72202503	Phan Thị Thúy	D22_TC02	7.47	71	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
731	DH72300353	Hà Hồng	Đức	D23 QT01	7.38	69	
732	DH72301232	Đỗ Thị Thanh	Ngân	D23 QT01	7.29	70	
733	DH72301246	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	D23 QT01	7.35	76	
734	DH72301270	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	D23 QT01	7.93	75	
735	DH72301438	Trần Thị Mỹ	Nhung	D23 QT01	7.51	74	
736	DH72301575	Ngô Thị Ngọc	Phượng	D23 QT01	7.34	73	
737	DH72301942	Trần Thị Kim	Thùy	D23 QT01	7.42	81	
738	DH72302051	Phan Thị Thanh	Trang	D23 QT01	7.63	83	
739	DH72300523	Nguyễn Ngọc	Hiền	D23 QT02	7.49	77	
740	DH72300609	Phạm Minh	Hoàng	D23 QT02	7.46	83	
741	DH72300662	Hoàng Văn	Huy	D23 QT02	7.63	72	
742	DH72300732	Trần Thu	Huyền	D23 QT02	7.39	80	
743	DH72301020	Nguyễn Tấn	Lợi	D23 QT02	7.00	80	
744	DH72301186	Phương Thị út	Nữ	D23 QT02	7.31	65	
745	DH72301501	Nguyễn Hoàng Phi	Phụng	D23 QT02	7.18	66	
746	DH72301748	Nguyễn Phương	Tánh	D23 QT02	7.57	72	
747	DH72302064	Thân Thị Mai	Trâm	D23 QT02	7.30	82	
748	DH72302109	Phạm Thị Ngọc	Trinh	D23 QT02	7.05	67	
749	DH72302342	Hà Thị	Vy	D23 QT02	7.39	75	
750	DH72300061	Nguyễn Thị Lan	Anh	D23 QT03	7.43	68	
751	DH72302383	Lê Thị Thanh	Dung	D23 QT03	7.18	71	
752	DH72301283	Lại Yến	Nghi	D23 QT03	7.39	81	
753	DH72301333	Trần Gia	Nguyên	D23 QT03	7.19	68	
754	DH72301654	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	D23 QT03	7.94	75	
755	DH72301956	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D23 QT03	7.70	78	
756	DH72301963	Trần Thị Minh	Thư	D23 QT03	7.40	71	
757	DH72302353	Nguyễn Thị Thúy	Vy	D23 QT03	7.48	74	
758	DH72300310	Hồ Thị Mỹ	Duyên	D23 QT04	7.40	83	
759	DH72300315	Phạm Thị	Duyên	D23 QT04	7.04	71	
760	DH72301286	Bùi Tuấn	Nghĩa	D23 QT04	7.02	69	
761	DH72301267	Nguyễn Kim	Ngọc	D23 QT04	7.76	83	
762	DH72301269	Nguyễn Phan Như	Ngọc	D23 QT04	7.26	77	
763	DH72301278	Trần Thị Bảo	Ngọc	D23 QT04	8.11	77	
764	DH72301390	Nguyễn Lê Hải	Nhi	D23 QT04	7.25	88	
765	DH72301966	Bùi Thị Lệ	Thương	D23 QT04	7.36	84	
766	DH72303022	Nguyễn Lê Huỳnh	Trâm	D23 QT04	7.64	78	
767	DH72302068	Dương Bảo	Trần	D23 QT04	7.00	65	
768	DH72302112	Trương Thị Mỹ	Trinh	D23 QT04	7.41	87	
769	DH72302244	Đoàn Ngọc Thanh	Tuyền	D23 QT04	7.66	84	
770	DH72302246	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D23 QT04	7.16	74	
771	DH72300729	Lương Thị Ngọc	Huyền	D23 QT05	8.04	70	
772	DH72301031	Lê Hoàng	Linh	D23 QT05	7.02	65	
773	DH72301055	Trần Thị Ngọc	Linh	D23 QT05	7.36	69	
774	DH72301137	Lê Tuệ	Minh	D23 QT05	7.63	75	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
775	DH72301188	Bùi Thị Ngọc	Na	D23_QT05	7.29	70	
776	DH72302423	Châu Bích	Như	D23_QT05	7.05	73	
777	DH72301480	Nguyễn Tuấn	Phát	D23_QT05	8.28	73	
778	DH72302130	Đỗ Hà Nhã	Trúc	D23_QT05	7.05	65	
779	DH72302580	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	D23_QT05	7.08	74	
780	DH72302904	Võ Minh	Trương	D23_QT05	7.81	77	
781	DH72302161	Đặng Nguyễn Nhựt	Trương	D23_QT05	7.29	73	
782	DH72400151	Lê Ngọc	Dung	D24_QT01	7.71	81	
783	DH72400161	Nguyễn Minh	Hải	D24_QT01	7.90	74	
784	DH72400163	Huỳnh Ngọc Thúy	Hân	D24_QT01	7.86	69	
785	DH72400164	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	D24_QT01	7.86	84	
786	DH72400166	Trần Võ Gia	Hân	D24_QT01	7.10	69	
787	DH72400175	Đặng Lê ánh	Hồng	D24_QT01	7.71	79	
788	DH72400182	Phạm Vũ Gia	Huy	D24_QT01	7.50	71	
789	DH72400211	Bùi Nguyễn Kim	Ngân	D24_QT01	7.46	67	
790	DH72400213	Nguyễn Kim	Ngân	D24_QT01	7.51	69	
791	DH72400231	Ngô Mẫn	Nhi	D24_QT01	7.93	82	
792	DH72400282	Võ Thị Thanh	Thủy	D24_QT01	7.84	69	
793	DH72401487	Bùi Thị Hồng	Ân	D24_QT02	8.11	77	
794	DH72401590	Phạm Thanh	Duy	D24_QT02	8.00	70	
795	DH72400173	Trần Văn	Hoàn	D24_QT02	7.06	65	
796	DH72400207	Đoàn Thị Diễm	My	D24_QT02	7.99	76	
797	DH72400232	Nguyễn Thị	Nhi	D24_QT02	7.04	65	
798	DH72400236	Hồ Quỳnh	Như	D24_QT02	8.16	70	
799	DH72400266	Nguyễn Chánh	Thành	D24_QT02	7.07	66	
800	DH72400274	Đào Thị Minh	Thư	D24_QT02	7.80	74	
801	DH72400291	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm	D24_QT02	7.67	90	
802	DH72400294	Lâm Ngọc	Trân	D24_QT02	7.74	74	
803	DH72402067	Nguyễn Thị Thiên	Kim	D24_QT03	7.46	65	
804	DH72402072	Lê Xuân	Như	D24_QT03	8.21	69	
805	DH72401673	Nguyễn Lê Tuyết	Vy	D24_QT03	7.13	69	
806	DH72401652	Lê Hoàng	Yên	D24_QT03	7.64	79	
807	DH82100561	Nguyễn Tuấn	Khanh	D21_XD01	7.95	85	
808	DH82112630	Phạm Thế	Duy	D21_XD02	7.43	73	
809	DH82113117	Đặng Thanh	Lân	D21_XD02	7.40	72	
810	DH82202553	Trần Thanh	Duy	D22_XD01	7.43	81	
811	DH82202566	Nguyễn Đăng	Khoa	D22_XD01	7.31	66	
812	DH82202588	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	D22_XD01	8.01	71	
813	DH82202543	Nguyễn Văn	An	D22_XD02	7.69	69	
814	DH82202548	Nguyễn Lê Ngọc	Cầm	D22_XD02	7.72	67	
815	DH82300928	Đặng Đình	Khương	D23_XD01	7.32	67	
816	DH82301078	Nguyễn Minh Bảo	Long	D23_XD01	8.49	73	
817	DH92100769	Trương Khánh	Duy	D21_TK1TD	8.61	75	
818	DH92109340	Bùi Ngọc	Hân	D21_TK1TD	8.05	75	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
819	DH92109493	Trần Phạm Minh	Thắng	D21 TK1TD	8.23	65	
820	DH92107917	Phạm Thị Thanh	Trúc	D21 TK1TD	8.32	75	
821	DH92106536	Lê Kim	Yên	D21 TK1TD	8.08	79	
822	DH92101240	Hồng Huỳnh Phương	Dung	D21 TK2TT	7.22	67	
823	DH92105695	Nguyễn Đông	Nam	D21 TK2TT	8.47	74	
824	DH92108857	Nguyễn Anh	Ty	D21 TK2TT	7.99	70	
825	DH92109283	Nguyễn Lê Phương	Anh	D21 TK3DH1	8.61	73	
826	DH92109284	Nguyễn Phụng	Anh	D21 TK3DH1	8.53	76	
827	DH92109184	Cao Thị Minh	Châu	D21 TK3DH1	8.21	66	
828	DH92104140	Bùi Hoàng Mỹ Linh	Chi	D21 TK3DH1	7.85	70	
829	DH92101471	Chen Yi	Chin	D21 TK3DH1	8.46	72	
830	DH92112745	Nguyễn Công	Huân	D21 TK3DH1	8.60	67	
831	DH92109377	Phan Hoàng	Khang	D21 TK3DH1	8.45	73	
832	DH92102096	Trần Ngọc Hoàng	Kim	D21 TK3DH1	8.40	73	
833	DH92108469	Nguyễn Phương	Linh	D21 TK3DH1	7.60	79	
834	DH92107244	Cao Hoàng	Minh	D21 TK3DH1	8.13	65	
835	DH92109427	Phạm Châu	Ngọc	D21 TK3DH1	7.61	66	
836	DH92100277	Lâm Bội	Như	D21 TK3DH1	8.24	77	
837	DH92109449	Huỳnh Thị Ngọc	Oanh	D21 TK3DH1	7.60	71	
838	DH92109457	Võ Quang	Phúc	D21 TK3DH1	8.13	66	
839	DH92109463	Lâm Thị Chúc	Phương	D21 TK3DH1	7.74	65	
840	DH92101603	Lê Minh	Quân	D21 TK3DH1	7.59	70	
841	DH92106701	Diệp Vinh	Sâm	D21 TK3DH1	7.75	74	
842	DH92106133	Phan Duy	Tân	D21 TK3DH1	7.62	69	
843	DH92101419	Nguyễn Văn	Thuận	D21 TK3DH1	8.21	68	
844	DH92103114	Bùi Nguyễn Thùy	Trang	D21 TK3DH1	7.77	73	
845	DH92104089	Lê Trần Xuân	Trường	D21 TK3DH1	8.02	67	
846	DH92100458	Lê Nguyễn Thảo	Vy	D21 TK3DH1	8.84	77	
847	DH92114734	Tạ Hồng	Anh	D21 TK3DH2	8.75	77	
848	DH92109300	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	D21 TK3DH2	7.68	75	
849	DH92113295	Đặng Gia	Hân	D21 TK3DH2	7.45	69	
850	DH92109355	Phan Đức	Huân	D21 TK3DH2	8.06	65	
851	DH92109391	Phạm Thị Kim	Liên	D21 TK3DH2	7.43	70	
852	DH92114165	Tạ Nguyễn Ngọc	Ngân	D21 TK3DH2	7.55	87	
853	DH92109425	Nguyễn Phương	Nghi	D21 TK3DH2	7.60	68	
854	DH92109469	Nguyễn Thế Anh	Quân	D21 TK3DH2	8.01	74	
855	DH92109492	Phạm Thanh	Thắng	D21 TK3DH2	8.26	67	
856	DH92109486	Lưu Huỳnh Minh	Thành	D21 TK3DH2	7.86	71	
857	DH92109495	Phạm Đông	Thi	D21 TK3DH2	8.55	75	
858	DH92109497	Đoàn Minh	Thiên	D21 TK3DH2	8.23	72	
859	DH92108741	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D21 TK3DH2	7.79	71	
860	DH92109113	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	D21 TK4NT	8.15	70	
861	DH92104191	Nguyễn Thành	Đạt	D21 TK4NT	7.55	68	
862	DH92109394	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D21 TK4NT	8.55	70	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
863	DH92109410	Nguyễn Quốc Minh	D21 TK4NT	8.60	68	
864	DH92101778	Nguyễn Đức Thái	D21 TK4NT	7.67	66	
865	DH92113510	Lê Thị Thúy	D21 TK4NT	8.16	73	
866	DH92100355	Nguyễn Công Thành	D21 TK4NT	8.12	72	
867	DH92101576	Nguyễn Thị Thanh	D21 TK4NT	8.70	76	
868	DH92100645	Bùi Thanh Vân	D21 TK4NT	8.34	70	
869	DH92100504	Đỗ Thanh Vy	D21 TK4NT	8.31	71	
870	DH92107786	Phạm Kim Xuân	D21 TK4NT	8.00	71	
871	DH92202805	Lê Thiện Tâm	D22 TK2TT	8.10	65	
872	DH92202827	Nguyễn Thị Đăng	D22 TK2TT	7.61	66	
873	DH92202627	Võ Minh Anh	D22 TK3DH1	7.55	71	
874	DH92202672	Võ Thu Hiền	D22 TK3DH1	7.19	69	
875	DH92100220	Nguyễn Trung Hoàng	D22 TK3DH1	7.17	66	
876	DH92202689	Ngô Đức Huy	D22 TK3DH1	7.64	67	
877	DH92202692	Nguyễn Tiến Kha	D22 TK3DH1	7.45	74	
878	DH92203918	Trần Chí Khang	D22 TK3DH1	7.58	65	
879	DH92202700	Nguyễn Hoàng Yến	D22 TK3DH1	7.60	68	
880	DH92100532	Nguyễn Bá Khánh	D22 TK3DH1	7.34	66	
881	DH92203782	Hà Trung Kiên	D22 TK3DH1	7.64	66	
882	DH92202726	Nguyễn Thị Ngọc Minh	D22 TK3DH1	7.07	73	
883	DH92202727	Nguyễn Xuân Minh	D22 TK3DH1	8.48	74	
884	DH92202761	Trần Bảo Nhi	D22 TK3DH1	7.87	72	
885	DH92202769	Vòng Mạnh Như	D22 TK3DH1	8.37	70	
886	DH92202770	Phạm Thị Hồng Nhung	D22 TK3DH1	7.81	70	
887	DH92202779	Hoàng Tấn Phong	D22 TK3DH1	8.20	66	
888	DH92202783	Lê Hoàng Phúc	D22 TK3DH1	7.65	68	
889	DH92202790	Lê Kim Phụng	D22 TK3DH1	7.72	71	
890	DH92202796	Ngô Ngọc Quyên	D22 TK3DH1	7.59	78	
891	DH92202806	Lưu Đức Tân	D22 TK3DH1	8.08	76	
892	DH92202852	Phan Thị Thùy Trang	D22 TK3DH1	7.56	77	
893	DH92202857	Phan Nhật Trí	D22 TK3DH1	7.94	73	
894	DH92202632	Nguyễn Đỗ Gia Bảo	D22 TK3DH2	7.62	65	
895	DH92202634	Phạm Tuấn Bảo	D22 TK3DH2	7.85	68	
896	DH92202638	Nguyễn Thành Chung	D22 TK3DH2	7.00	65	
897	DH92202663	Nguyễn Trần Gia Hân	D22 TK3DH2	7.76	68	
898	DH92202743	Ngô Thị Hồng Ngọc	D22 TK3DH2	7.18	72	
899	DH92202748	Vương Mỹ Ngọc	D22 TK3DH2	8.16	68	
900	DH92202786	Nguyễn Hồng Phúc	D22 TK3DH2	7.85	68	
901	DH92202815	Phan Hùng Thắng	D22 TK3DH2	7.69	66	
902	DH92202835	Đình Phạm Thanh Thúy	D22 TK3DH2	7.24	77	
903	DH92202862	Bùi Kim Trúc	D22 TK3DH2	7.29	68	
904	DH92202882	Nguyễn Thị Trà Vinh	D22 TK3DH2	7.54	66	
905	DH92202896	Trương Thảo Vy	D22 TK3DH2	7.21	78	
906	DH92202642	Bùi Hải Đăng	D22 TK3DH3	7.55	69	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
907	DH92202673	Nguyễn Nhật	Hiếu	D22 TK3DH3	7.83	80	
908	DH92202684	Trương Anh	Hùng	D22 TK3DH3	8.51	73	
909	DH92202687	Võ Thị Vy	Hường	D22 TK3DH3	8.82	68	
910	DH92202694	Hà Duy	Khang	D22 TK3DH3	7.45	80	
911	DH92202719	Lê Quốc	Luân	D22 TK3DH3	8.90	76	
912	DH92202758	Lâm Đông	Nhi	D22 TK3DH3	7.59	69	
913	DH92202782	Hoàng Minh	Phúc	D22 TK3DH3	7.65	82	
914	DH92202811	Đoàn Trọng	Tân	D22 TK3DH3	7.65	68	
915	DH92202816	Huỳnh Nhật	Thanh	D22 TK3DH3	7.77	70	
916	DH92202819	Chung Vĩ	Thành	D22 TK3DH3	8.13	76	
917	DH92202824	Nguyễn Hoàng	Thiện	D22 TK3DH3	7.72	70	
918	DH92202619	Lê Trúc	An	D22 TK3DH4	7.56	70	
919	DH92202628	Hoàng Thị	ánh	D22 TK3DH4	7.56	72	
920	DH92202644	Huỳnh Hoài	Danh	D22 TK3DH4	8.26	74	
921	DH92202646	Mai Tân	Đạt	D22 TK3DH4	8.04	69	
922	DH92202665	Văn Gia	Hân	D22 TK3DH4	7.73	73	
923	DH92202666	Võ Thị Thanh	Hằng	D22 TK3DH4	7.61	73	
924	DH92202669	Nguyễn Thanh	Hậu	D22 TK3DH4	7.83	74	
925	DH92202674	Phạm Văn	Hiếu	D22 TK3DH4	8.12	69	
926	DH92202675	Trần Thị Minh	Hiếu	D22 TK3DH4	8.40	70	
927	DH92202683	Đặng Thị Thu	Hồng	D22 TK3DH4	7.63	72	
928	DH92202749	Phạm Lâm Anh	Nguyễn	D22 TK3DH4	7.79	71	
929	DH92202763	Trần Mỹ	Nhiên	D22 TK3DH4	7.71	78	
930	DH92202781	Dương Nguyễn Quang	Phúc	D22 TK3DH4	8.08	71	
931	DH92202797	Nguyễn Ngọc Phương	Quyên	D22 TK3DH4	7.21	76	
932	DH92202823	Bùi Minh	Thi	D22 TK3DH4	7.14	72	
933	DH92202826	Phạm Huỳnh Anh	Thoại	D22 TK3DH4	7.74	75	
934	DH92202832	Lê Thị	Thương	D22 TK3DH4	7.48	77	
935	DH92202833	Phan Nguyễn Hoài	Thương	D22 TK3DH4	7.23	70	
936	DH92202842	Nguyễn Đức	Toản	D22 TK3DH4	7.03	65	
937	DH92202849	Phạm Bảo	Trần	D22 TK3DH4	7.85	73	
938	DH92202853	Trần Thị Thu	Trang	D22 TK3DH4	7.22	74	
939	DH92202864	Nguyễn Phương	Trúc	D22 TK3DH4	7.19	67	
940	DH92202891	Nguyễn Yến	Vy	D22 TK3DH4	8.06	66	
941	DH92202626	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	D22 TK4NT	7.13	66	
942	DH92202633	Nguyễn Lê Gia	Bảo	D22 TK4NT	7.88	66	
943	DH92104664	Võ Tấn	Bảo	D22 TK4NT	7.36	65	
944	DH92202691	Lê Thị Mỹ	Huỳnh	D22 TK4NT	7.09	65	
945	DH92202798	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	D22 TK4NT	7.11	84	
946	DH92202863	Đỗ Phạm Thanh	Trúc	D22 TK4NT	7.93	69	
947	DH92202890	Nguyễn Thị Tường	Vy	D22 TK4NT	7.47	66	
948	DH92300076	Phạm Quỳnh	Anh	D23 TK1TD	7.17	65	
949	DH92300761	Lê Thị Huỳnh	Hương	D23 TK1TD	7.62	69	
950	DH92301273	Nguyễn Thanh Bảo	Ngọc	D23 TK1TD	7.93	66	

VÁ  
G  
C  
HỆ  
N  
C

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
951	DH92302071	Huỳnh Ngọc	Trân	D23 TK1TD	7.95	67	
952	DH92302365	Dương Kim	Xuân	D23 TK1TD	7.22	71	
953	DH92300597	Kiều Võ Vũ	Hoàng	D23 TK2TT	7.59	72	
954	DH92301258	Đỗ Thụy Kim	Ngọc	D23 TK2TT	7.48	72	
955	DH92301476	Nguyễn Thành	Phát	D23 TK2TT	7.12	68	
956	DH92300054	Nguyễn Ngọc Mai	Anh	D23 TK3DH1	7.48	80	
957	DH92300499	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	D23 TK3DH1	7.69	71	
958	DH92300500	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	D23 TK3DH1	7.29	67	
959	DH92301310	Lê Mẫn	Nguyên	D23 TK3DH1	7.69	81	
960	DH92301441	Dương Thị Khả	Như	D23 TK3DH1	7.10	74	
961	DH92301443	Huỳnh ý	Như	D23 TK3DH1	8.15	77	
962	DH92301671	Đặng Tiêu	Quyên	D23 TK3DH1	7.62	73	
963	DH92201456	Lê Tiên	Thành	D23 TK3DH1	7.62	66	
964	DH92301883	Thái Nhật	Thịnh	D23 TK3DH1	8.26	73	
965	DH92302057	Bùi Huyền	Trâm	D23 TK3DH1	7.33	90	
966	DH92302059	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	D23 TK3DH1	7.22	79	
967	DH92302079	Nguyễn Thị Huyền	Trân	D23 TK3DH1	7.96	79	
968	DH92302052	Phạm Thị Thùy	Trang	D23 TK3DH1	7.12	79	
969	DH92302271	Đào Kính	Văn	D23 TK3DH1	7.62	69	
970	DH92302373	Trần Ngọc Như	ý	D23 TK3DH1	7.95	83	
971	DH92300065	Nguyễn Trần Phương	Anh	D23 TK3DH2	7.55	74	
972	DH92300067	Nguyễn Tuấn	Anh	D23 TK3DH2	7.19	69	
973	DH92300130	Phạm	Bằng	D23 TK3DH2	7.36	78	
974	DH92300112	Ngô Trương Gia	Bội	D23 TK3DH2	7.98	82	
975	DH92300458	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	D23 TK3DH2	7.12	70	
976	DH92300494	Nguyễn Gia	Hân	D23 TK3DH2	7.10	66	
977	DH92300508	Trương Ngọc Bảo	Hân	D23 TK3DH2	8.00	76	
978	DH92300536	Đỗ Trung	Hiếu	D23 TK3DH2	7.20	68	
979	DH92300689	Nguyễn Hoàng	Huy	D23 TK3DH2	7.41	73	
980	DH92300802	Phạm Gia	Khang	D23 TK3DH2	7.55	79	
981	DH92301053	Trần Khánh	Linh	D23 TK3DH2	7.31	80	
982	DH92301259	Đỗ Xuân	Ngọc	D23 TK3DH2	7.55	66	
983	DH92301275	Phạm Minh	Ngọc	D23 TK3DH2	7.98	69	
984	DH92301379	Lê Ngọc ánh	Nhi	D23 TK3DH2	7.15	70	
985	DH92301460	Nguyễn Thị Yên	Oanh	D23 TK3DH2	7.36	72	
986	DH92301576	Nguyễn Thị Bích	Phượng	D23 TK3DH2	7.50	85	
987	DH92301630	Trần Minh	Quân	D23 TK3DH2	7.29	74	
988	DH92301804	Hứa Công	Thành	D23 TK3DH2	7.17	72	
989	DH92301903	Văn Thanh	Thảo	D23 TK3DH2	8.06	68	
990	DH92301982	Hoàng Ngọc	Tiến	D23 TK3DH2	7.03	68	
991	DH92302013	Nhâm Trí	Tín	D23 TK3DH2	7.60	70	
992	DH92302056	Bùi Bảo	Trâm	D23 TK3DH2	7.64	70	
993	DH92302355	Quách Khả	Vy	D23 TK3DH2	7.84	84	
994	DH92302361	Trương Phan Thúy	Vy	D23 TK3DH2	7.43	76	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
995	DH92300014	Nguyễn Ngọc Quỳnh An	D23 TK3DH3	8.19	70	
996	DH92300052	Nguyễn Kim Anh	D23 TK3DH3	7.98	70	
997	DH92300122	Nguyễn Thanh Bình	D23 TK3DH3	8.14	73	
998	DH92300406	Nguyễn Hoàng Đạt	D23 TK3DH3	7.13	72	
999	DH92300316	Trần Mỹ Duyên	D23 TK3DH3	7.55	72	
1000	DH92300448	Trương Thị Hà Giang	D23 TK3DH3	7.69	68	
1001	DH92300939	Châu Thanh Quỳnh Kim	D23 TK3DH3	7.76	74	
1002	DH92301027	Đỗ Nguyễn Đan Linh	D23 TK3DH3	8.10	75	
1003	DH92301112	Võ Thị Yến Ly	D23 TK3DH3	7.50	72	
1004	DH92303083	Nguyễn Ngọc Hải My	D23 TK3DH3	7.39	65	
1005	DH92301227	Bùi Kim Ngân	D23 TK3DH3	7.98	74	
1006	DH92301237	Lê Tuyết Ngân	D23 TK3DH3	7.19	65	
1007	DH92301407	Hà Ngọc Nhiều	D23 TK3DH3	8.19	74	
1008	DH92301556	Nguyễn Văn Hoàng Phúc	D23 TK3DH3	7.65	65	
1009	DH92301578	Bùi Nhã Phương	D23 TK3DH3	7.84	70	
1010	DH92301790	Lê Chí Thanh	D23 TK3DH3	8.03	71	
1011	DH92301998	Phạm Minh Tiên	D23 TK3DH3	7.36	68	
1012	DH92302984	Lê Quốc Bảo	D23 TK3DH4	8.17	74	
1013	DH92300910	Nguyễn Minh Khôi	D23 TK3DH4	7.02	66	
1014	DH92300981	Cao Nguyên Hoa Lan	D23 TK3DH4	7.84	75	
1015	DH92301268	Nguyễn Minh Ngọc	D23 TK3DH4	8.10	71	
1016	DH92302158	Võ Thành Trung	D23 TK3DH4	7.55	67	
1017	DH92302245	Nguyễn Hoàng Thanh Tuyên	D23 TK3DH4	7.98	72	
1018	DH92300552	Nguyễn Chí Hiếu	D23 TK4NT	7.34	69	
1019	DH92300573	Bùi Lê Hồng Hoa	D23 TK4NT	7.34	76	
1020	DH92300767	Văn Công Hy	D23 TK4NT	7.84	69	
1021	DH92300785	Huỳnh Vĩnh Khang	D23 TK4NT	7.23	72	
1022	DH92301377	Hoàng Yến Nhi	D23 TK4NT	7.16	74	
1023	DH92301459	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	D23 TK4NT	7.82	82	
1024	DH92301975	Lê Trần Thủy Tiên	D23 TK4NT	7.21	69	
1025	DH92302242	Đặng Hồng Tuyên	D23 TK4NT	7.26	82	
1026	DH92400008	Huỳnh Ngọc Hồng ánh	D24 TK1TD	7.90	66	
1027	DH92400010	Dương Gia Bảo	D24 TK1TD	8.15	72	
1028	DH92400015	Hứa Thành Đạt	D24 TK1TD	7.87	66	
1029	DH92400039	Nguyễn Thái Duy Khanh	D24 TK1TD	8.24	71	
1030	DH92400042	Ngô Thanh Lành	D24 TK1TD	8.51	67	
1031	DH92400068	Nguyễn Bảo Như	D24 TK1TD	7.64	65	
1032	DH92400077	Phạm Lý Lan Phương	D24 TK1TD	7.46	69	
1033	DH92400118	Lê Phong Vinh	D24 TK1TD	8.05	75	
1034	DH92400009	Lương Vĩ Bằng	D24 TK2TT	7.95	74	
1035	DH92401229	Bùi Trần Ngọc Nữ	D24 TK2TT	7.12	70	
1036	DH92400096	Nguyễn Trần Hoài Thương	D24 TK2TT	8.17	66	
1037	DH92400001	Phan Khả ái	D24 TK3DH	7.41	73	
1038	DH92400007	Trần Ngọc Lan Anh	D24 TK3DH	7.86	66	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB ĐGRL	Ghi chú
1039	DH92400013	Lê Kim Chi		D24 TK3DH	7.88	68	
1040	DH92400031	Đặng Trần Quang Huy		D24 TK3DH	7.48	65	
1041	DH92400034	Đào Thị Mỹ Huyền		D24 TK3DH	7.63	72	
1042	DH92400051	Nguyễn Gia My		D24 TK3DH	8.14	67	
1043	DH92400064	Trần Thị Yên Nhi		D24 TK3DH	8.03	69	
1044	DH92400067	Ngô Lê Tâm Như		D24 TK3DH	7.84	65	
1045	DH92401519	Phan Mai Ngọc Như Quỳnh		D24 TK3DH	7.64	66	
1046	DH92400092	Dương Hoàng Anh Thư		D24 TK3DH	7.81	71	
1047	DH92400102	Đỗ Minh Tiên		D24 TK3DH	7.11	70	
1048	DH92400106	Phạm Đặng Trung Trinh		D24 TK3DH	7.66	81	
1049	DH92400107	Lê Ngọc Thanh Trúc		D24 TK3DH	8.43	68	
1050	DH92400110	Lang Văn Tú		D24 TK3DH	7.68	72	
1051	DH92400116	Trương Tiêu Viên		D24 TK3DH	7.84	66	
1052	DH92400122	Đoàn Ngọc Thảo Vy		D24 TK3DH	7.64	68	
1053	DH92400124	Lê Tường Vy		D24 TK3DH	7.92	65	
1054	DH92400026	Trần Ngọc Hiếu		D24 TK4NT	7.78	69	
1055	DH92400038	Võ Minh Khang		D24 TK4NT	7.00	65	
1056	DH92402066	Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn		D24 TK4NT	8.49	71	
1057	DH92400129	Hà Kim Yên		D24 TK4NT	7.34	65	


  
**HIỆU TRƯỞNG**
  
 PGS. TS. Cao Hào Thi